

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Building a better
working world

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	14 - 87
Phụ lục 1 - Danh sách công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	88 - 95

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 61 được cấp ngày 2 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Nhật Vượng	Chủ tịch	
Ông Lê Khắc Hiệp	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thúy Hằng	Phó chủ tịch	
Bà Phạm Thu Hương	Phó chủ tịch	
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó chủ tịch	
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó chủ tịch	
Ông Ling Chung Yee Roy	Thành viên	
Bà Mai Hương Nội	Thành viên	
Ông Marc Villiers Townsend	Thành viên	
Ông Joseph Raymond Gagnon	Thành viên	

Miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Anh	Trưởng ban
Ông Đinh Ngọc Lân	Thành viên
Bà Đỗ Thị Hồng Vân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Vân Trinh	Thành viên

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Dương Thị Mai Hoa	Tổng Giám đốc	
Bà Mai Hương Nội	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Khương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Diệu Linh	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2016
Ông Đặng Thanh Thủy	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2016
Bà Vũ Tuyết Hằng	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2016
Bà Nguyễn Thị Dịu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Hoàn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 29 tháng 8 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Bà Dương Thị Mai Hoa.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày.

Thay mặt Ban Giám đốc: 



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Building a better
working world

Số tham chiếu: 60729565/18694493

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP ("Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 95, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Building a better
working world

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này và báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ của chúng tôi đề ngày 29 tháng 8 năm 2016 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Đình Cường
Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0135-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		23.914.916.142.146	24.238.821.543.284
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	194.073.209.322	1.071.293.410.389
111	1. Tiền		194.073.209.322	571.293.410.389
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	500.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		119.573.464.000	2.142.032.490.611
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	32.369.112.000	32.369.112.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(15.795.648.000)	(14.958.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	103.000.000.000	2.124.621.378.611
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.844.689.730.311	16.585.572.752.923
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	646.060.869.219	382.140.126.031
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	460.728.266.342	132.228.960.187
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	8.451.539.334.655	12.496.760.202.648
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	5.404.609.108.061	3.675.967.076.427
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 9, 10	(118.247.847.966)	(101.523.612.370)
140	IV. Hàng tồn kho		927.281.038.452	730.548.865.043
141	1. Hàng tồn kho	11	927.281.038.452	730.548.865.043
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.829.298.700.061	3.709.374.024.318
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	64.979.408.930	13.394.986.624
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		70.114.686.381	35.767.944.966
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	-	2.923.154.643
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	13	7.694.204.604.750	3.657.287.938.085

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		60.097.119.587.054	54.082.083.973.728
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		9.511.460.540.000	11.135.844.306.667
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	9	9.391.270.400.000	11.135.841.666.667
216	2. Phải thu dài hạn khác	10	120.190.140.000	2.640.000
220	II. Tài sản cố định		211.381.825.216	214.091.787.205
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	190.794.457.542	194.042.685.459
222	Nguyên giá		266.088.035.850	253.059.710.605
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(75.293.578.308)	(59.017.025.146)
227	2. Tài sản cố định vô hình		20.587.367.674	20.049.101.746
228	Nguyên giá		39.425.068.942	35.150.011.380
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(18.837.701.268)	(15.100.909.634)
230	III. Bất động sản đầu tư	15	221.143.452.868	82.735.895.923
231	1. Nguyên giá		227.311.824.898	87.706.085.875
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(6.168.372.030)	(4.970.189.952)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	17	4.496.198.161.523	2.805.541.943.577
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.496.198.161.523	2.805.541.943.577
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		45.577.449.550.463	38.275.539.416.775
251	1. Đầu tư vào công ty con	18.1	38.875.901.649.149	34.479.034.583.248
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	18.2	5.492.623.893.527	1.482.214.318.182
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.3	1.309.027.500.000	2.314.290.515.345
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.3	(100.103.492.213)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		79.486.056.984	1.568.330.623.581
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	78.200.024.024	67.515.682.870
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.286.032.960	814.940.711
268	3. Tài sản dài hạn khác	13	-	1.500.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		84.012.035.729.200	78.320.905.517.012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		43.212.328.217.649	41.069.956.307.067
310	I. Nợ ngắn hạn		21.716.918.391.761	20.129.324.462.838
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	472.873.641.382	136.288.096.579
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	461.098.173.857	28.358.671.265
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	84.307.395.906	9.352.323.347
314	4. Phải trả người lao động		-	14.600.225.362
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	842.312.631.283	764.864.295.381
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		18.214.857.336	26.643.140.907
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	7.549.873.259.002	5.047.407.477.029
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23.1	12.288.238.432.995	14.101.810.232.968
330	II. Nợ dài hạn		21.495.409.825.888	20.940.631.844.229
338	1. Vay dài hạn	23.2	21.495.409.825.888	18.558.230.083.647
339	2. Trái phiếu chuyển đổi	24	-	2.382.401.760.582

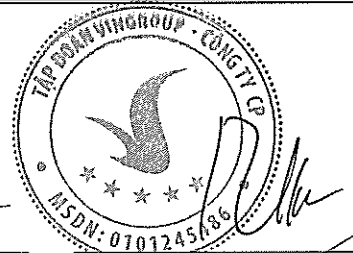
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.799.707.511.551	37.250.949.209.945
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	40.799.707.511.551	37.250.949.209.945
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		21.532.347.920.000	18.681.880.870.000
411a	- Cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết		21.532.347.920.000	18.681.880.870.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		18.765.136.668.300	17.279.282.355.762
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		31.000.000.000	26.000.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		471.222.923.251	1.263.785.984.183
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		94.895.396.911	6.467.923.866
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		376.327.526.340	1.257.318.060.317
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		84.012.035.729.200	78.320.905.517.012

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.275.006.512.285	395.223.183.938
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.275.006.512.285	395.223.183.938
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	27	(880.354.577.921)	(312.309.456.509)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		394.651.934.364	82.913.727.429
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	2.840.123.099.563	3.766.661.480.309
22	7. Chi phí tài chính	28	(1.672.862.202.166)	(1.495.685.379.641)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(1.566.717.076.756)	(1.270.163.457.528)
25	8. Chi phí bán hàng	29	(71.899.346.409)	(2.877.343.400)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(131.150.750.778)	(34.802.016.150)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.358.862.734.574	2.316.210.468.547
31	11. Thu nhập khác	30	3.974.164.699	1.875.460.037
32	12. Chi phí khác	30	(751.975.257)	(497.778.964)
40	13. Lợi nhuận khác	30	3.222.189.442	1.377.681.073

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.362.084.924.016	2.317.588.149.620
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(16.319.667.197)	(35.906.319.453)
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại		471.092.249	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.346.236.349.068	2.281.681.830.167



Ngô Thị Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Đương Thị Mái Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		1.362.084.924.016	2.317.588.149.621
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình		21.211.526.874	13.967.684.285
03	Các khoản dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)		117.665.375.809	(5.419.439.655)
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	26.2, 28	(216.896.700.000)	235.253.487.510
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	26.2	(2.522.622.006.053)	(3.762.908.980.309)
06	Chi phí lãi vay	28	1.566.717.076.756	1.270.163.457.528
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		328.160.197.402	68.644.358.980
09	Tăng các khoản phải thu		(441.696.651.757)	(279.981.629.699)
10	Tăng hàng tồn kho		(196.732.173.409)	(9.169.279.420)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		304.536.875.470	(8.239.496.008)
12	Tăng chi phí trả trước		(24.029.761.786)	(42.484.542.911)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.544.315.421.322)	(1.095.443.956.688)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.2	(11.952.054.267)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(1.586.028.989.669)	(1.366.674.545.747)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.282.202.161.144)	(2.147.434.779.056)
22	Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		48.562.753	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.697.109.235.633)	(13.429.102.523.436)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		15.779.767.574.867	11.097.047.114.642
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.591.815.733.257)	(6.024.375.964.442)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		5.287.781.047.181	5.848.110.110.475
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.260.276.933.169	2.701.808.358.277
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(243.253.012.064)	(1.953.947.683.540)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay và nợ trái phiếu		18.703.679.477.047	10.891.391.698.325
34	Tiền trả nợ gốc vay và nợ trái phiếu		(17.751.621.048.789)	(7.453.992.059.022)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		952.058.428.258	3.437.399.639.303
50	(Giảm)/tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(877.223.573.475)	116.777.410.016
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.071.293.410.389	1.314.658.214.340
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		3.372.408	21.891.720
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		194.073.209.322	1.431.457.516.076

Ngô Thị Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103001016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 3 tháng 5 năm 2002 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101245486 vào ngày 12 tháng 5 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi, với lần gần nhất là lần thứ 61 được cấp ngày 2 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2007 theo Quyết định số 106/QĐ-TTGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 7 tháng 9 năm 2007.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản; tiến hành các hoạt động huy động vốn, đầu tư góp vốn; và cung cấp các dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động phát triển và chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện dự án. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty là từ 12 tháng đến 36 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 410 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 482).

Công ty có trụ sở chính tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh có địa chỉ tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và 45A, phố Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Do đặc tính của ngành kinh doanh bất động sản, doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản phụ thuộc vào tình trạng hoàn thành của các dự án bất động sản cũng như tình hình thị trường tại các thời điểm các dự án bất động sản được chào bán.

Các hoạt động khác của Công ty dự kiến sẽ ổn định và ít chịu ảnh hưởng của tính chất mùa vụ.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 74 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày chi tiết tại Phụ lục 1.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 18.2.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP có các công ty con như được trình bày tại Phụ lục số 1 và Thuyết minh số 18.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 ("Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh*

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015.

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá bất động sản thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.6 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	38 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị quản lý	2 - 6 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	15 năm

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Quyền sử dụng đất	45 – 50 năm
Nhà cửa	50 năm
Tài sản khác	15 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí thuê đất dài hạn trả trước, lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp sáp nhập giữa công ty mẹ và công ty con, và các chi phí trả trước khác phát sinh mang lại lợi ích kinh tế trong khoảng thời gian hơn một năm.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà thầu xây dựng hay chưa.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày của bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại bởi một bên thứ ba, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và ghi nhận là quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý

Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán và vốn chuyển nhượng. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Phí thương hiệu

Doanh thu phí thương hiệu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều khoản của hợp đồng phí thương hiệu.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 *Trái phiếu chuyển đổi*

Các khoản trái phiếu chuyển đổi mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng. Các khoản trái phiếu chuyển đổi mà không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi được phân loại là nợ phải trả tài chính.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được huỷ bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

3.20 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là Bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền gửi ngân hàng	193.954.575.424	571.135.778.659
Các khoản tương đương tiền	-	500.000.000.000
Tiền mặt	118.633.898	157.631.730
TỔNG CỘNG	<u>194.073.209.322</u>	<u>1.071.293.410.389</u>

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ	7.173	7.199
- Euro	78	84

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý		
Cổ phiếu Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Đầu khí	32.369.112.000	16.573.464.000	(15.795.648.000)	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)
TỔNG CỘNG	32.369.112.000	16.573.464.000	(15.795.648.000)	32.369.112.000	17.411.112.000	(14.958.000.000)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Ngắn hạn					
- Các khoản tiền gửi ngân hàng (i)	103.000.000.000	103.000.000.000	1.627.000.000.000	1.627.000.000.000	1.627.000.000.000
- Các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn thu hồi	-	-	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611
TỔNG CỘNG	103.000.000.000	103.000.000.000	2.124.621.378.611	2.124.621.378.611	2.124.621.378.611
Dài hạn					
- Tiền gửi ngân hàng	-	-	497.621.378.611	497.621.378.611	497.621.378.611
- Trong đó: các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn thu hồi	-	-	(497.621.378.611)	(497.621.378.611)	(497.621.378.611)
TỔNG CỘNG	-	-	-	-	-

(i) Các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 5,6%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Phải thu phí dịch vụ quản lý công ty con	584.739.411.343	267.815.623.415
Phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	51.548.614.312	4.758.036.054
Phải thu từ cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ liên quan	9.772.843.564	16.117.468.318
Phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư	-	93.448.998.244
TỔNG CỘNG	<u>646.060.869.219</u>	<u>382.140.126.031</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>589.223.024.835</i>	<i>274.579.879.230</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	<i>56.837.844.384</i>	<i>107.560.246.801</i>
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(4.944.255.910)</i>	<i>(4.944.255.910)</i>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Trả trước cho người bán	337.415.441.647	131.574.417.537
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 33)	123.312.824.695	654.542.650
TỔNG CỘNG	<u>460.728.266.342</u>	<u>132.228.960.187</u>
Chi tiết các khoản phải trả ngắn hạn chiếm trên 10% tổng trả trước		
<i>Trả trước cho một đối tác doanh nghiệp cho mục đích xây dựng Quý Thiện Tâm</i>	<i>106.038.033.400</i>	<i>-</i>
	<i>110.072.120.833</i>	<i>-</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. NỢ XẤU

Nợ xấu của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải thu thương mại, phải thu gốc và lãi cho vay các khách hàng đã quá hạn thanh toán, lãi phải thu của khoản nợ khó đòi mà không được ghi nhận doanh thu:

Đơn vị tính: VND

<i>Đối tượng nợ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
<i>Phải thu liên quan đến khoản cho một khách thuê trung tâm thương mại vay</i>				
<i>Gốc vay</i>	82.578.564.022	5.815.161.781	82.578.564.022	17.844.590.574
<i>Lãi đã ghi nhận</i>	46.817.382.146	10.277.192.331	46.817.382.149	14.971.999.137
<i>Lãi chưa ghi nhận</i>	25.827.772.510	-	17.569.916.108	-
<i>Các đối tượng khác</i>				
<i>Phải thu khách hàng</i>	4.944.255.910	-	4.944.255.910	-
TỔNG CỘNG	160.167.974.588	16.092.354.112	151.910.118.189	32.816.589.711
<i>Chi tiết các khoản nợ quá hạn chiếm trên 10% tổng nợ quá hạn:</i>				
<i>Công ty TNHH Thái Kiều</i>	129.395.946.168	16.092.354.112	129.395.946.171	32.816.589.711

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Các khoản cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 33)	7.381.249.884.099	11.426.570.752.092
Các khoản cho các bên khác vay dài hạn đến hạn thu hồi (i)	987.111.564.022	987.111.564.022
Các khoản cho vay khác (ii)	83.177.886.534	83.077.886.534
TỔNG CỘNG	<u>8.451.539.334.655</u>	<u>12.496.760.202.648</u>
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(76.763.402.241)	(64.733.973.448)
Dài hạn		
Các khoản cho các bên liên quan vay (Thuyết minh số 33)	9.336.270.400.000	11.080.841.666.667
Các khoản cho các bên khác vay (i) <i>Trong đó: các khoản cho các bên khác vay dài hạn đến hạn thu hồi</i>	1.042.111.564.022	1.042.111.564.022
	<u>(987.111.564.022)</u>	<u>(987.111.564.022)</u>
TỔNG CỘNG	<u>9.391.270.400.000</u>	<u>11.135.841.666.667</u>

(i) Khoản này bao gồm:

- Các khoản cho các cá nhân vay với số tiền 904 tỷ VND để mua cổ phần một công ty liên kết. Các khoản cho vay này có thời hạn 3 năm tính từ ngày 26 tháng 7 năm 2013 và ngày 22 tháng 11 năm 2013 và hưởng lãi suất 13%/năm. Các khoản cho vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của công ty liên kết này do các cá nhân nêu trên nhận chuyển nhượng;
- Một khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với số tiền là 83 tỷ VND. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phần của đối tác doanh nghiệp này và một công ty khác; và
- Một khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với số tiền là 55 tỷ VND với lãi suất 7%/năm, đáo hạn ngày 20 tháng 6 năm 2018 và không có tài sản đảm bảo.

(ii) Khoản này chủ yếu bao gồm một khoản cho một đối tác doanh nghiệp vay với số tiền là 83 tỷ VND không chịu lãi suất và không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i> <i>(Trình bày lại)</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Ngắn hạn				
Phải thu lại khoản đặt cọc cho hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	2.935.000.000.000	-	1.050.000.000.000	-
Lãi phải thu từ các khoản cho vay, đặt cọc và tiền gửi ngân hàng	1.383.025.548.060	(36.540.189.815)	1.415.355.192.674	(31.845.383.012)
Phải thu từ chủ sở hữu cũ của công ty liên kết	550.000.000.000	-	-	-
Phải thu cổ tức từ công ty con	257.156.250.000	-	939.964.899.900	-
Phải thu khác	279.427.310.001	-	270.646.983.853	-
TỔNG CỘNG	5.404.609.108.061	(36.540.189.815)	3.675.967.076.427	(31.845.383.012)
Dài hạn				
Ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	120.190.140.000	-	2.640.000	-
TỔNG CỘNG	120.190.140.000	-	2.640.000	-
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải thu khác</i>	<i>4.319.740.318.701</i>	<i>(36.540.189.815)</i>	<i>1.744.783.577.440</i>	<i>(31.845.383.012)</i>
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>1.084.868.789.360</i>	<i>-</i>	<i>1.931.183.498.987</i>	<i>-</i>

(i) Bao gồm:

- ☛ Khoản phải thu tiền đặt cọc 1.500 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp. Khoản tiền này trước đây được đặt cọc để đảm bảo quyền được tham gia hợp tác thực hiện một dự án tiềm năng tại tỉnh Hưng Yên;
- ☛ Khoản phải thu tiền đặt cọc 1.035 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp được bảo lãnh thanh toán bởi một đối tác doanh nghiệp khác. Khoản tiền này trước đây được đặt cọc cho mục đích phát triển một dự án bất động sản tiềm năng tại thành phố Hà Nội; và
- ☛ Khoản phải thu lại tiền đặt cọc 400 tỷ VND cho hai đối tác cá nhân do hủy hợp đồng nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty liên kết. Sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Công ty đã thu hồi được toàn bộ khoản đặt cọc này.

- (ii) Đây là khoản tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có kỳ hạn 3 năm với lãi suất 7%/năm. Khoản tiền gửi ngân hàng này được ký quỹ nhằm mục đích đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của Công ty theo một hợp đồng bảo lãnh phát hành trái phiếu trong nước (Thuyết minh 23.2).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án Vincom Xuân Khánh - Cần Thơ	277.734.603.023	335.222.035.528
Dự án Vincom Hà Tĩnh	217.513.651.369	353.958.817.670
Dự án Vincom Lý Sơn - Thái Bình	162.884.780.441	41.368.011.845
Dự án Vincom Lạng Sơn	104.092.020.000	-
Dự án Vincom Tuyên Quang	53.140.000.000	-
Dự án Vinhomes Riverside Hải Phòng	46.652.122.018	-
Dự án Vincom Yên Bái	42.384.204.001	-
Dự án Vincom Kiên Giang - Rạch Giá	22.879.657.600	-
TỔNG CỘNG	<u>927.281.038.452</u>	<u>730.548.865.043</u>

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Chi phí bán hàng liên quan đến các bất động sản chưa bàn giao	24.608.745.049	3.920.546.757
Chi phí bản quyền phần mềm	18.893.636.300	7.325.983.760
Chi phí bảo lãnh trái phiếu trả trước	14.712.480.999	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	3.726.734.836	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.037.811.746	2.148.456.107
TỔNG CỘNG	<u>64.979.408.930</u>	<u>13.394.986.624</u>
Dài hạn		
Tiền thuê đất trả trước	38.239.001.674	-
Chi phí cung cấp dịch vụ quản lý văn phòng trả trước	18.214.857.336	26.621.714.568
Lợi thế thương mại phát sinh từ giao dịch sáp nhập công ty con vào Công ty trong năm 2013	17.230.901.008	34.461.802.024
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.515.264.006	6.432.166.278
TỔNG CỘNG	<u>78.200.024.024</u>	<u>67.515.682.870</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư (i)	7.694.204.604.750	3.657.287.938.085
TỔNG CỘNG	<u>7.694.204.604.750</u>	<u>3.657.287.938.085</u>
Dài hạn		
Đặt cọc cho mục đích đầu tư	-	1.500.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>1.500.000.000.000</u>

(i) Các khoản đặt cọc ngắn hạn cho mục đích đầu tư chủ yếu bao gồm:

- Khoản đặt cọc 1.670 tỷ VND cho một đối tác doanh nghiệp để mua thêm cổ phần của Công ty Tân Liên Phát, công ty con;
- Khoản đặt cọc 6.000 tỷ VND cho các cá nhân để nhận chuyển nhượng cổ phần của một công ty bên ngoài Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quân lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	45.939.641.000	538.765.574	117.572.344.476	87.702.991.373	1.305.968.182	253.059.710.605
Mua trong kỳ	-	-	12.954.380.000	315.144.960	-	13.269.524.960
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(241.199.715)	-	(241.199.715)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	45.939.641.000	538.765.574	130.526.724.476	87.776.936.618	1.305.968.182	266.088.035.850
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	380.173.665	3.306.315.821	17.478.874.715	-	21.165.364.201
Giá trị hao mòn:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.318.211.336	470.252.447	27.659.492.911	29.194.145.049	374.923.403	59.017.025.146
Tăng trong kỳ	605.720.765	68.513.127	8.311.776.716	7.432.249.266	50.930.249	16.469.190.123
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(192.636.961)	-	(192.636.961)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	1.923.932.101	538.765.574	35.971.269.627	36.433.757.354	425.853.652	75.293.578.308
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	44.621.429.664	68.513.127	89.912.851.565	58.508.846.324	931.044.779	194.042.685.459
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	44.015.708.899	-	94.555.454.849	51.343.179.264	880.114.530	190.794.457.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa	Quyền sử dụng đất/Tiền thuê đất	Máy móc thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	87.706.085.875	-	-	87.706.085.875
Xây dựng mới	83.496.329.342	1.377.066.420	54.732.343.261	139.605.739.023
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	171.202.415.217	1.377.066.420	54.732.343.261	227.311.824.898
Giá trị hao mòn:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	4.970.189.952	-	-	4.970.189.952
Tăng trong kỳ	716.616.710	11.818.829	469.746.539	1.198.182.078
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	5.686.806.662	11.818.829	469.746.539	6.168.372.030
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	82.735.895.923	-	-	82.735.895.923
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	165.515.608.555	1.365.247.591	54.262.596.722	221.143.452.868

Bất động sản đầu tư của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Tầng 4A thuộc Tòa nhà Vincom Đồng Khởi tại số 72, phố Lê Thánh Tôn và số 45A, phố Lý Tự Trọng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được Công ty ước tính là 557 tỷ VND dựa trên báo cáo định giá dự thảo cho Tòa nhà Vincom Center Đồng Khởi của một đơn vị định giá độc lập.
- Trung tâm thương mại Vincom Plaza Lý Bôn tại số 460 Lý Bôn, phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, Việt Nam. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được Công ty ước tính là 208 tỷ VND dựa trên báo cáo định giá dự thảo của một đơn vị định giá độc lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 163 tỷ VND (cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: 62 VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan đến các khoản vay chung và vay trực tiếp cho mục đích đầu tư các dự án bất động sản của Công ty.

Chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay chung được vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa là 10,24%/năm trên chi phí lũy kế bình quân gia quyền của các dự án bất động sản. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của Công ty.

17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án Vinhomes Riverside 2	1.253.763.139.308	1.135.894.144.276
Dự án Vincom Xuân Khánh Cần Thơ	961.815.508.347	631.867.706.667
Dự án Vinhomes Riverside Hải Phòng	822.466.624.948	309.249.657.518
Dự án Khu đô thị sinh thái đảo Vũ Yên	633.511.915.353	411.639.602.203
Dự án Vinhomes Dragon Bay	218.927.039.431	34.016.862.606
Dự án Vincom Thanh Hóa	197.979.146.956	12.942.906.625
Dự án Vincom Hùng Vương	111.478.143.525	71.638.460.640
Dự án Vinhomes Hà Tĩnh	89.959.484.916	50.625.915.469
Dự án Vincom Yên Bái	37.629.478.549	46.548.869.440
Các dự án khác	168.667.680.190	101.117.818.133
TỔNG CỘNG	<u>4.496.198.161.523</u>	<u>2.805.541.943.577</u>

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con (i)	38.875.901.649.149	-	34.479.034.583.248	-
Đầu tư vào công ty liên kết	5.492.623.893.527	-	1.482.214.318.182	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.309.027.500.000	(100.103.492.213)	2.314.290.515.345	-
TỔNG CỘNG	45.677.553.042.676	(100.103.492.213)	38.275.539.416.775	-

(i) Theo các điều khoản của Hợp đồng thế chấp vốn góp ký giữa Công ty Vincom Retail, WP Investments III B.V. ("Warburg Pincus") và Credit Suisse AG, Chi nhánh Singapore ("Credit Suisse") ngày 12 tháng 7 năm 2013 và các sửa đổi sau đó liên quan đến khoản vay chuyển đổi và việc phát hành cổ phần ưu đãi của Công ty Vincom Retail ("các điều khoản thế chấp"), toàn bộ phần vốn góp của Công ty Vincom Retail trong Công ty Vincom Retail Miền Bắc đang được dùng làm tài sản đảm bảo để bảo lãnh không hủy ngang cho việc Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình theo các văn bản giao dịch và cho việc các Chủ sở hữu và Công ty thực hiện các nghĩa vụ của mình liên quan đến quyền chọn bán cho các Chủ sở hữu, theo các thỏa thuận được ký kết với Warburg Pincus và Credit Suisse. Theo các điều khoản thế chấp này, Công ty Vincom Retail Miền Bắc (trước đây là Công ty VMM Royal City) sẽ nhận sáp nhập các công ty gồm Công ty VMM Times City, Công ty Vincom Center Bà Triệu, Công ty Vincom Center Hạ Long, Công ty BDS Hải Phòng, Công ty Suối Hoa và Công ty Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tập đoàn vẫn đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục sáp nhập một số công ty con vào Công ty Vincom Retail Miền Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con

STT	Tên đơn vị (*)	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Đơn vị tính: VND	
			Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Số lượng cổ phiếu	Giá trị		Giá trị hợp lý
1	Công ty Nam Hà Nội	(i) (xiii) (xiv)	197.800.000	5.792.493.038.618	5.934.000.000.000	98,90%	187.800.000	5.290.741.538.618	6.009.600.000.000	93,90%
2	Công ty Tân Liên Phát	(ii) (xiii)	311.125.000	5.505.640.138.887	(***)	47,50%	278.375.000	4.948.890.138.887	(***)	42,50%
3	Công ty Vinpearland	(iii)	420.562.315	4.415.561.419.672	(***)	100,00%	3.605.384.894.672	(***)	(***)	100,00%
4	Công ty Vincom Retail	(iv) (ix)	197.450.000	4.228.621.984.032	(***)	24,78%	295.140.000	2.974.398.834.032	(***)	35,79%
5	Công ty Hoàng Gia	(v) (xiii)	112.800.300	2.840.478.751.405	(***)	85,36%	273.150.000	3.929.484.785.749	(***)	85,36%
6	Công ty Sài Đồng	(vi)	190.875.000	2.212.943.935.291	(***)	94,00%	112.800.300	2.212.943.935.291	(***)	94,00%
7	Công ty Xavinco	(vii)	56.019.514	1.810.830.790.050	(***)	67,17%	190.875.000	2.071.029.000.000	(***)	95,44%
8	Công ty Mê Trì	(viii)	166.555.000	1.665.550.000.000	(***)	24,11%	56.019.514	1.810.830.790.050	(***)	67,17%
9	Công ty Vincommerce	(xiii)	(**)	1.561.000.000.000	(***)	100,00%	(**)	1.561.000.000.000	(***)	100,00%
10	Công ty Thời Đại	(ix) (xii) (viii)	138.810.945	1.400.490.000.000	(***)	70,00%	493.600.000.000	(***)	(***)	70,00%
11	Công ty VinEco	(x)	138.810.945	1.395.329.678.450	11.507.427.340.500	83,32%	138.810.945	1.395.329.678.450	2.679.051.238.500	83,32%
12	Công ty Triển lãm Việt Nam	(xi)	56.400.000	754.190.080.000	(***)	94,00%	53.400.000	724.190.080.000	(***)	89,00%
13	Công ty TNHH Hoàng Gia	(xvi)	3.236.212	347.116.186.600	(***)	79,96%	3.236.212	347.116.186.600	(***)	79,96%
14	Công ty Ngôi Sao Phương Nam	(xvii)	44.141.474	475.165.611.800	(***)	65,03%	(**)	(**)	(***)	100,00%
15	Công ty Vinlinks	(viii) (ix)	300.000.000.000	300.000.000.000	(***)	100,00%	300.000.000.000	(***)	(***)	100,00%
16	Công ty Sách Việt Nam		267.910.000.000	267.910.000.000	(***)	94,00%	33.810.000.000	(***)	(***)	94,00%
17	Công ty Vinhomes 1		220.000.000.000	220.000.000.000	(***)	100,00%	220.000.000.000	(***)	(***)	100,00%
18	Công ty Xây dựng Vincom 3		198.000.000.000	198.000.000.000	(***)	86,09%	198.000.000.000	(***)	(***)	86,09%
19	Công ty Xây dựng Vincom 1		170.770.000.000	170.770.000.000	(***)	74,00%	170.770.000.000	(***)	(***)	74,00%
20	Công ty BFF		100.000.000.000	100.000.000.000	(***)	100,00%	100.000.000.000	(***)	(***)	100,00%
21	Công ty Hoa Mai		28.500.000.000	28.500.000.000	(***)	94,00%	28.500.000.000	(***)	(***)	94,00%
22	Công ty Vinschool		17.000.000.000	17.000.000.000	(***)	94,00%	17.000.000.000	(***)	(***)	94,00%
23	Công ty VinAcademy		5.640.000.000	5.640.000.000	(***)	94,00%	5.640.000.000	(***)	(***)	94,00%
24	Công ty Xây dựng Vincom 7		2.000.000.000	2.000.000.000	(***)	100,00%	2.000.000.000	(***)	(***)	100,00%
25	Công ty Vinhomes 2									
26	Công ty Bảo vệ Vincom									

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị (*)	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015			Đơn vị tính: VND	
			Số lượng cổ phiếu	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ trực tiếp	Số lượng cổ phiếu	Giá trị		Giá trị hợp lý
27	Công ty Tây Tăng Long		(**)	635.000.000	(***)	100,00%	(**)	635.000.000	(***)	10,00%
28	Công ty Vinaconex-Viettel	(xviii)	-	-	-	-	(**)	180.000.000.000	(***)	5,00%
29	Công ty Xây dựng Vincom 6	(xvii)	(**)	-	-	-	(**)	2.100.000.000	(***)	94,00%
30	Công ty Vinlandscape	(xvii)	(**)	-	-	-	(**)	1.789.720.899	(***)	100,00%
31	Công ty Hà Thành	(xvii)	(**)	-	-	-	(**)	100.000.000	(***)	100,00%
32	Công ty Quản lý BDS Vinhomes	(xv)	(**)	-	-	-	(**)	31.000.000.000	(***)	100,00%
33	Công ty Marketing VME	(xvii)	(**)	-	-	-	(**)	1.100.000.000	(***)	94,00%
34	Công ty Vinecom	(viii)	(**)	-	-	-	(**)	577.500.000.000	(***)	55,00%
35	Công ty Siêu Tốc	(viii)	-	-	-	-	(**)	148.050.000.000	(***)	94,00%
36	Công ty Xây dựng Vincom 2	(viii)	(**)	-	-	-	(**)	156.100.000.000	(***)	94,00%
37	Công ty Vinpro	(viii)	(**)	-	-	-	(**)	940.000.000.000	(***)	94,00%
	TỔNG CỘNG			38.875.901.649.149				34.479.034.583.248		

(*) Thông tin chi tiết của các công ty con được trình bày tại Phụ lục 1.

(**) Đây là các công ty trách nhiệm hữu hạn.

(***) Do không có đủ các thông tin cần thiết, giá trị hợp lý các khoản đầu tư này chưa xác định được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 11 tháng 3 năm 2016, Công ty đã mua thêm 5% cổ phần của Công ty Nam Hà Nội, công ty con, từ Công ty Sài Đồng, một công ty con khác trong cùng Tập đoàn.
- (ii) Vào ngày 25 tháng 5 năm 2016, Công ty đã mua thêm 5% cổ phần của Công ty Tân Liên Phát, công ty con, từ một đối tác cá nhân.
- (iii) Vào ngày 4 tháng 1 năm 2016, Công ty Vinpearl Phú Quốc, một công ty con trong cùng Tập đoàn, đã hoàn tất việc góp vốn vào Công ty Vinpealland. Sau đó, vào ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã mua lại 62,09% cổ phần của Công ty Vinpearlland, công ty con, từ Công ty Vinpearl Phú Quốc.
- (iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thông qua Công ty Vincom Retail, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
 - Công ty Vincom Retail Miền Bắc;
 - Công ty Vincom Retail Miền Nam;
 - Công ty Metropolis;
 - Công ty Riverview Đà Nẵng;
 - Công ty Suối Hoa;
 - Công ty Trung tâm Văn hóa Thể thao Giải trí Hà Nội; và
 - Công ty An Phong.
- (v) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thông qua Công ty Hoàng Gia, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Metropolis Hà Nội.
- (vi) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thông qua Công ty Sài Đồng, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty ISADO.
- (vii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thông qua Công ty Xavinco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Xalivico.
- (viii) Trong kỳ, Tập đoàn đã thực hiện các giao dịch sáp nhập sau:
 - Công ty Vinpro, Công ty VinEcom và Công ty Siêu Tốc được sáp nhập vào Công ty Vincommerce;
 - Công ty Xây dựng Vincom 2 được sáp nhập vào Công ty Xây dựng Vincom 3; và
 - Công ty Hoa Hồng Vàng và Công ty Hoàng Lân được sáp nhập vào Công ty VinEco.
- (ix) Trong kỳ, Công ty đã góp thêm vốn vào các công ty con này.
- (x) Vào ngày 15 tháng 1 năm 2016, Công ty đã mua thêm 5% cổ phần của Công ty Ngôi Sao Phương Nam, công ty con, từ một đối tác doanh nghiệp.
- (xi) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thông qua Công ty Vinlinks, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát Công ty Hợp nhất Thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

(xii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thông qua Công ty VinEco, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:

- Công ty VinEco Tam Đảo; và
- Công ty VinEco Đồng Nai.

(xiii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thông qua Công ty Thời Đại, Công ty Nam Hà Nội, Công ty Hoàng Gia và Công ty Tân Liên Phát, Công ty gián tiếp sở hữu Công ty Vinpearl. Sau đó, thông qua Công ty Vinpearl, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:

- Công ty Hòn Một;
- Công ty Vinpearl Nha Trang;
- Công ty Vinpearl Đà Nẵng;
- Công ty Vinpearl Hội An;
- Công ty Tây Hồ View;
- Công ty FPI;
- Công ty Tây Tăng Long;
- Công ty Vinpearl Bãi Dài;
- Công ty Cam Ranh;
- Công ty Hòn Tre;
- Công ty Vinpearl Hạ Long;
- Công ty Vinpearl Quy Nhơn;
- Công ty Du lịch Phú Quốc;
- Công ty Vinpearl Phú Quốc;
- Công ty Quản lý Khách sạn Vinpearl;
- Công ty Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành;
- Công ty Chế biến gỗ Trường Thành;
- Công ty Ván công nghiệp Trường Thành;
- Công ty Trường Thành Xanh;
- Công ty Lâm nghiệp Trường Thành;
- Công ty Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành;
- Công ty Trường Thành Đăk Nông;
- Công ty chế biến gỗ Trường Thành;
- Công ty Trường Thành;
- Công ty Trồng rừng Trường Thành;
- Công ty Lâm nghiệp Trường Thành Đak Nông;
- Công ty gỗ Trường Thành M'DRẮK;
- Công ty Nông – Lâm - Công Nghiệp Trường An;
- Công ty Công nghiệp gỗ Trường Thành;
- Công ty Trường Thành - Phước An; và
- Công ty Cụm Công nghiệp Trường Thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (xiv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, thông qua Công ty Nam Hà Nội, Công ty gián tiếp nắm quyền kiểm soát các công ty con sau:
 - Công ty Vinmec;
 - Công ty Đồng Phú Hưng – Bình Thuận; và
 - Công ty VinDS.
- (xv) Vào ngày 3 tháng 2 năm 2016, Công ty TNHH Quản lý BĐS Vinhomes, công ty con, đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 5 từ Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, theo đó Công ty TNHH Bất động sản ILF đã được sáp nhập vào Công ty Quản lý BĐS Vinhomes và làm tăng vốn điều lệ của Công ty Quản lý BĐS Vinhomes từ 100 tỷ VND lên thành 800 tỷ VND. Giao dịch này làm giảm tỷ lệ lợi ích của Công ty trong Công ty Quản lý BĐS Vinhomes từ 100% xuống còn 12,5%. Công ty Quản lý BĐS Vinhomes từ công ty con trở thành một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty (Thuyết minh số 18.3).
- (xvi) Vào ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc mua 65,03% cổ phần của Công ty Sách Việt Nam thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam.
- (xvii) Trong kỳ, các công ty con này đã hoàn tất thủ tục giải thể.
- (xviii) Vào ngày 15 tháng 4 năm 2016, Công ty đã bán 5% cổ phần của Công ty Vinaconex-Viettel.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)

Tên đơn vị	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty TMDV TPHCM") (i)	4.529.642.075.345	-
Công ty Thành phố Xanh	663.181.818.182	663.181.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Long ("Công ty BĐS Thăng Long")	167.500.000.000	167.500.000.000
Công ty M.Y.M	117.000.000.000	117.000.000.000
Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương	15.300.000.000	15.300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị Ngọc Viễn Đông ("Công ty Ngọc Viễn Đông") (ii)	-	519.232.500.000
TỔNG CỘNG	<u>5.492.623.893.527</u>	<u>1.482.214.318.182</u>

- (i) Theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-DVTM HCM JSC ngày 1 tháng 2 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty TMDV TPHCM đã quyết định tăng thêm 2.000.000.000.000 VND vốn cổ phần thông qua việc phát hành thêm cổ phần phổ thông cho các cổ đông hiện hữu. Theo đó, Công ty đã tăng giá trị khoản đầu tư vào Công ty TMDV TPHCM thêm 380 tỷ VND với tỷ lệ sở hữu không thay đổi.

Tiếp đó, vào ngày 26 tháng 5 năm 2016, Công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 16% cổ phần của Công ty TMDV TPHCM từ một đối tác cá nhân.

Thông qua giao dịch này, Công ty TMDV TPHCM đã trở thành công ty liên kết của Công ty (Thuyết minh số 18.3).

- (ii) Theo Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTV-NGOC VIEN DONG, ngày 14 tháng 6 năm 2016, Hội đồng Thành viên của Công ty Ngọc Viễn Đông đã quyết định tăng thêm 4.246.150.000.000 VND vốn điều lệ thông qua việc góp thêm vốn của các thành viên hiện hữu. Theo đó, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ quyền góp thêm vốn này cho một đối tác doanh nghiệp với giá trị 100 tỷ VND qua đó giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Ngọc Viễn Đông xuống 9,62%. Công ty Ngọc Viễn Đông do đó trở thành một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 18.3) của Công ty.

- (*) Do không có đủ các thông tin cần thiết, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa xác định được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Thành phố Xanh	49,10	46,75	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty BĐS Thăng Long	35,00	35,00	Số 13, phố Hai Bà Trưng, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Bê tông Ngoại thương	30,00	30,00	223 Nguyễn Trọng Tuyển, phường 10, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, bán buôn sản phẩm bê tông
4	Công ty M.Y.M	39,00	39,00	Số 7 đường Bằng Lăng 1, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội	Sản xuất trang phục Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
5	Công ty TMDV TPHCM	39,13	39,13	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

18.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	552.395.000.000	552.395.000.000
Công ty Ngọc Viễn Đông (Thuyết minh số 18.2)	519.232.500.000	-
Công ty TNHH Quản lý BĐS Vinhomes (Thuyết minh số 18.1) (i)	225.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	12.400.000.000	12.400.000.000
Công ty TMDV TPHCM (Thuyết minh số 18.2)	-	1.749.495.515.345
TỔNG CỘNG	1.309.027.500.000	2.314.290.515.345

- (i) Trong kỳ, Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền 100 tỷ VND cho khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty TNHH Quản lý BĐS Vinhomes.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào cổ phiếu của các công ty khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau (*):

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015				
	Số lượng	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)	Số lượng	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh niên	400.000	3,87	3,87	12.400.000.000	400.000	3,87	3,87	12.400.000.000
Tổng Công ty Dệt may Việt Nam	50.000.000	10,00	10,00	552.395.000.000	50.000.000	10,00	10,00	552.395.000.000
Công ty Ngọc Viễn Đông	(**)	9,62	9,62	519.232.500.000	(**)	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	-	56.985.344	19,00	19,00	1.749.495.515.345
Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	(**)	12,50	12,50	225.000.000.000	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	<u>-</u>			<u>1.309.027.500.000</u>	<u>-</u>			<u>2.314.290.515.345</u>

(*) Do không có đủ các thông tin cần thiết, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa xác định được tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

(**) Đây là công ty trách nhiệm hữu hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

19.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	335.682.884.286	84.331.925.812
Phải trả cho người bán ngắn hạn khác	137.190.757.096	51.956.170.767
TỔNG CỘNG	<u>472.873.641.382</u>	<u>136.288.096.579</u>
Chi tiết các khoản phải trả ngắn hạn chiếm trên 10% tổng phải trả		
Phải trả Công ty Xây dựng Vincom 1	156.977.180.791	65.262.585.469
Phải trả Công ty Xây dựng Vincom 3	93.063.097.797	10.592.253
Phải trả Công ty Vincommerce	63.307.272.895	1.609.511.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

19.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

Giá trị đồng thời là số có khả năng trả nợ

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thanh toán theo các hợp đồng chuyển nhượng bất động sản để bán	423.870.437.014	25.445.358.289
Thanh toán theo các hợp đồng khác	37.227.736.843	2.913.312.976
TỔNG CỘNG	461.098.173.857	28.358.671.265
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước</i>	<i>424.188.501.514</i>	<i>26.345.385.001</i>
<i>Các bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 33)</i>	<i>36.909.672.343</i>	<i>2.013.286.264</i>

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 32.2)	-	17.123.247.390	(11.952.054.267)	5.171.193.123
Thuế thu nhập cá nhân	9.072.164.065	30.482.143.107	(35.881.192.464)	3.673.114.708
Thuế nhà thầu	280.159.282	15.623.839.556	(15.702.906.410)	201.092.428
Tiền sử dụng đất phải nộp	-	157.283.244.140	(82.021.248.493)	75.261.995.647
TỔNG CỘNG	9.352.323.347	203.389.226.803	(133.605.347.367)	84.307.395.906
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh số 32.2)	2.923.154.643	-	(2.923.154.643)	-
TỔNG CỘNG	2.923.154.643	-	(2.923.154.643)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	728.940.988.074	721.923.032.743
Trích trước chi phí xây dựng	66.442.687.938	21.113.931.895
Trích trước giá vốn của bất động sản đã chuyển nhượng	17.060.421.530	17.060.421.530
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.494.457.470	1.494.457.470
Các khoản chi phí phải trả khác	28.374.076.271	3.272.451.743
TỔNG CỘNG	<u>842.312.631.283</u>	<u>764.864.295.381</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả khác</i>	431.649.299.346	415.083.938.671
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	410.663.331.937	349.780.356.710

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Nhận đặt cọc để chuyển nhượng các khoản đầu tư (i)	5.275.000.000.000	2.028.000.000.000
Nhận đặt cọc từ công ty con để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư một dự án bất động sản	898.014.542.712	810.514.542.712
Tiền quản lý tập trung phải trả các công ty con	632.031.941.673	1.293.743.363.509
Tiền thu từ các hợp đồng vay vốn, đặt cọc của khách hàng mua căn hộ tại dự án	564.953.667.814	384.898.778.987
Phải trả tiền tạm ứng cho công ty con theo Hợp đồng tổng thầu xây dựng nguyên tắc	-	412.000.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	179.873.106.803	118.250.791.821
TỔNG CỘNG	<u>7.549.873.259.002</u>	<u>5.047.407.477.029</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả khác</i>	985.594.272.265	793.966.681.404
<i>Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	6.564.278.986.737	4.253.440.795.625

- (i) Bao gồm các khoản đặt cọc của một công ty con để mua lại các khoản đầu tư của Công ty.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

23.1 Vay ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	14.101.810.232.968	14.101.810.232.968	13.115.000.000.000	(17.183.402.635.293)	10.033.407.597.675	10.033.407.597.675
Vay ngắn hạn khác (*)	-	-	859.712.832.986	(577.086.164.333)	282.626.668.653	282.626.668.653
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	1.972.204.166.667	-	1.972.204.166.667	1.972.204.166.667
TỔNG CỘNG	14.101.810.232.968	14.101.810.232.968	15.946.916.999.653	(17.760.488.799.626)	12.288.238.432.995	12.288.238.432.995

(*) Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 chủ yếu bao gồm các khoản vay ngân hàng với lãi suất từ 6,0% đến 6,8%/năm và không có tài sản đảm bảo.

23.2 Vay dài hạn

Đơn vị tính: VND

Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Trái phiếu phát hành trong nước	11.708.056.766.406	11.708.056.766.406	4.898.589.377.736	-	16.606.646.144.142	16.606.646.144.142
Trái phiếu quốc tế	4.339.680.950.302	4.339.680.950.302	31.325.145.336	(39.000.000.000)	4.332.006.095.638	4.332.006.095.638
Vay từ các bên liên quan	2.510.492.366.939	2.510.492.366.939	18.469.385.836	-	2.528.961.752.775	2.528.961.752.775
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	(1.972.204.166.667)	(1.972.204.166.667)	(1.972.204.166.667)
TỔNG CỘNG	18.558.230.083.647	18.558.230.083.647	4.948.383.908.908	(2.011.204.166.667)	21.495.409.825.888	21.495.409.825.888

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

23.2.1 Trái phiếu phát hành trong nước và Trái phiếu quốc tế

<i>Trái chủ</i>	<i>US\$</i>	<i>VND</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		3.967.855.247.615	Ngày 11 tháng 2 năm 2019	Lãi suất 11%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(i)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		2.977.605.234.173	Ngày 8 tháng 9 năm 2019	Các kỳ tiếp theo: lãi suất huy động gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 6 tháng, công biên độ 4%. Lãi suất 11%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(ii)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		800.000.000.000	Ngày 18 tháng 6 năm 2019	Các kỳ tiếp theo: lãi suất huy động gửi tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VND, công biên độ 4%. Lãi suất 11%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(ii)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		1.972.204.166.667	Ngày 2 tháng 6 năm 2017	Các kỳ tiếp theo: lãi suất huy động gửi tiết kiệm trung bình kỳ hạn 6 tháng trả sau bằng VND, công biên độ 4%. Lãi suất 11%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(iii)
<i>Trong đó: nợ dài hạn đến hạn trả</i>		<i>(1.972.204.166.667)</i>			
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		989.206.388.892	Ngày 5 tháng 11 năm 2018	Lãi suất 11%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(iv)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		989.206.388.892	Ngày 25 tháng 11 năm 2017	Các kỳ tiếp theo: lãi suất huy động gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng, công biên độ 5%. Lãi suất 10,5%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(iv)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		989.206.388.892	Ngày 29 tháng 12 năm 2018	Các kỳ tiếp theo: lãi suất huy động gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng, công biên độ 4,5%. Lãi suất 11%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(iv)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		989.206.388.892	Ngày 30 tháng 12 năm 2017	Lãi suất 11%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(iv)
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam		1.026.254.579.042	Ngày 4 tháng 2 năm 2021	Các kỳ tiếp theo: lãi suất huy động gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng, công biên độ 5%. Lãi suất 10,5%/năm trong 2 kỳ tính lãi đầu tiên	(iv)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam		1.905.901.361.078	Ngày 4 tháng 2 năm 2021	Các kỳ tiếp theo: lãi suất huy động gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả sau, kỳ hạn 12 tháng, công biên độ 4,5%.	(iv)
Credit Suisse AG, Chi nhánh Singapore	200.000.000	4.332.006.095.637	Ngày 7 tháng 5 năm 2018	Lãi suất cố định 8,75%/năm	(v)
TỔNG CỘNG	200.000.000	18.966.448.073.113		Lãi suất cố định 7,75%/năm	(v)
				Lãi suất cố định 11,625%/năm	(iv)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

23.2 Vay dài hạn (tiếp theo)

23.2.1 Trái phiếu phát hành trong nước và Trái phiếu quốc tế

- (i) Tài sản đảm bảo cho loại trái phiếu này bao gồm một phần của trung tâm thương mại Vincom Đồng Khởi và một số cổ phiếu quỹ được nắm giữ bởi một công ty con.
- (ii) Tài sản đảm bảo cho loại trái phiếu này là một phần dự án VAP và dự án khách sạn 5 sao Vinpearl Nha Trang Resort.
- (iii) Trái phiếu này được bảo lãnh bởi một công ty con.
- (iv) Các trái phiếu này không có tài sản đảm bảo.
- (v) Các khoản trái phiếu này được bảo lãnh bởi quỹ tín thác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (CGIF) thông qua thỏa thuận đảm bảo bằng cổ phiếu của một số công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

Trái phiếu chuyển đổi có giá trị là 300 triệu đô la Mỹ được phát hành trong tháng 4 và tháng 7 năm 2012, với thời hạn 5 năm. Trái phiếu này không được đảm bảo và có lãi suất cố định là 5%/năm.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được chuyển đổi, và do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả tài chính.

Theo điều khoản của trái phiếu chuyển đổi này, các trái chủ có quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông của Công ty theo mức giá có thể được điều chỉnh vào ngày 3 tháng 10 hàng năm, bắt đầu từ ngày 3 tháng 10 năm 2012 cho tới ngày 3 tháng 10 năm 2016.

Trong kỳ, các trái chủ đã chuyển đổi các trái phiếu với tổng mệnh giá là 106.300.000 đô la Mỹ thành 71.666.764 cổ phiếu phổ thông của Công ty theo giá phát hành là 31.000 VND/cổ phiếu. Việc chuyển đổi này làm tăng vốn cổ phần đã phát hành của Công ty thêm 716.667.640.000 VND và tăng thặng dư vốn cổ phần thêm 1.485.854.312.538 VND.

Đơn vị tính: USD

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Thay đổi trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2016
		Phát hành thêm	Đã chuyển thành cổ phiếu	
Giá trị	106.300.000	-	(106.300.000)	-

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	5.939.186.943.335	5.939.186.943.335
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	-	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu	5.939.186.943.335	5.939.186.943.335
Cộng: Giá trị phân bổ lũy kế phần giá trị chiết khấu		
Số đầu kỳ	295.037.817.247	162.522.147.579
Số phân bổ tăng trong kỳ	13.600.239.418	94.848.401.101
Số cuối kỳ	308.638.056.665	257.357.909.260
Trừ: Chuyển đổi lũy kế đến cuối kỳ	(6.270.000.000.000)	3.024.230.000.000
Cộng: Lỗi chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi	22.175.000.000	10.695.741.667
Cộng: Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	157.461.258.333
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối kỳ	-	3.340.471.852.595

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1	Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	14.545.550.980.000	16.568.774.634.832	21.000.000.000	2.053.772.082.866	33.189.097.697.698
	- Tăng từ chuyển đổi trái phiếu	42.335.870.000	36.372.944.472	-	-	78.708.814.472
	- Trích quỹ khác	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
	- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	2.281.681.830.167	2.281.681.830.167
	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2015	14.587.886.850.000	16.605.147.579.304	26.000.000.000	4.330.453.913.033	35.549.488.342.337
	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	18.681.880.870.000	17.279.282.355.762	26.000.000.000	1.263.785.984.183	37.250.949.209.945
	- Tăng từ chuyển đổi trái phiếu (Thuyết minh số 24)	716.667.640.000	1.485.854.312.538	-	-	2.202.521.952.538
	- Trích quỹ khác	-	-	5.000.000.000	(5.000.000.000)	-
	- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	1.346.236.349.068	1.346.236.349.068
	- Trả cổ tức bằng cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 25.3)	2.133.799.410.000	-	-	(2.133.799.410.000)	-
	Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	21.532.347.920.000	18.765.136.668.300	31.000.000.000	471.222.923.251	40.799.707.511.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi (*)

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.153.234.792	1.868.188.087
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.153.234.792	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.153.234.792	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (**)	2.153.234.792	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.153.234.792	1.868.188.087
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

(*) Bao gồm 213.379.941 cổ phiếu để trả cổ tức được chính thức niêm yết theo Quyết định số 299/QĐ-SGDHCM ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 25.3).

(**) Bao gồm số lượng cổ phiếu phổ thông đang được nắm giữ bởi các Công ty con.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 10.000 VND/cổ phiếu).

25.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức đã công bố và đã trả trong kỳ (*)	2.133.799.410.000	-
<i>Cổ tức trả bằng cổ phiếu trên cổ phiếu phổ thông năm 2016: 1.100 VND/cổ phiếu (2015: 0 VND/cổ phiếu)</i>	2.133.799.410.000	
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận vào nợ phải trả	-	3.763.639.260.000
<i>Cổ tức trả bằng cổ phiếu trên cổ phiếu phổ thông năm 2016: 0 VND/cổ phiếu (2015: 2.580 VND/cổ phiếu)</i>	-	3.763.639.260.000

(*) Vào ngày 22 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP về kế hoạch chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:110 (mỗi cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu được nhận cổ tức bằng 110 cổ phiếu). Theo đó, số lượng cổ phiếu được Công ty phát hành thêm là 213.379.941 cổ phiếu theo Thông báo số S023/2016-VIC/VSD ngày 28 tháng 6 năm 2016 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng doanh thu	1.275.006.512.285	395.223.183.938
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	810.285.789.862	7.198.045.454
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác cho các công ty con</i>	442.756.238.340	316.285.368.696
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ đi kèm</i>	21.964.484.083	71.739.769.788
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>1.275.006.512.285</u>	<u>395.223.183.938</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	824.592.773.568	25.694.730.414
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	450.413.738.717	369.528.453.524

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập từ hoạt động đầu tư (i)	1.293.137.168.640	2.160.505.837.340
Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi	1.230.089.230.923	1.544.042.160.311
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	216.896.700.000	3.752.500.000
Thu nhập từ nhượng quyền góp vốn (Thuyết minh số 18.2)	100.000.000.000	-
Thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư	-	58.360.982.658
TỔNG CỘNG	<u>2.840.123.099.563</u>	<u>3.766.661.480.309</u>

- (i) Thu nhập từ hoạt động đầu tư cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 chủ yếu bao gồm các khoản cổ tức được chia từ các công ty con là Công ty Thời Đại, Công ty Hoàng Gia, Công ty Tân Liên Phát và từ một khoản đầu tư vào đơn vị khác là Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Vinhomes.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản	561.460.984.420	7.034.909.091
Giá vốn cung cấp dịch vụ quản lý và dịch vụ khác cho các công ty con	312.864.948.995	243.296.437.458
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ đi kèm	6.028.644.506	61.978.109.960
TỔNG CỘNG	<u>880.354.577.921</u>	<u>312.309.456.509</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	1.467.487.311.909	1.155.004.168.444
Thay đổi dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	100.103.492.213	(16.737.408.600)
Chi phí phát hành trái phiếu và vay chuyển đổi phân bổ trong kỳ	99.229.764.847	115.159.289.085
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	239.005.987.510
Chi phí tài chính khác	6.041.633.197	3.253.343.202
TỔNG CỘNG	<u>1.672.862.202.166</u>	<u>1.495.685.379.641</u>

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Chi phí hoa hồng môi giới	59.170.536.387	-
- Chi phí quảng cáo	9.675.599.017	-
- Chi phí bán hàng khác	3.053.211.005	2.877.343.400
	<u>71.899.346.409</u>	<u>2.877.343.400</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
- Chi phí từ thiện	97.195.614.166	-
- Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	17.230.901.016	17.230.901.016
- Trích lập các khoản dự phòng	16.724.235.596	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	8.926.772.993
- Chi phí khấu hao	-	8.644.342.141
	<u>131.150.750.778</u>	<u>34.802.016.150</u>
TỔNG CỘNG	<u>203.050.097.187</u>	<u>37.679.359.550</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	3.974.164.699	1.875.460.037
Phạt vi phạm hợp đồng	2.383.277.956	36.185.000
Thu từ thanh lý tài sản	-	109.367.813
Thu nhập khác	1.590.886.743	1.729.907.224
Chi phí khác	(751.975.257)	(497.778.964)
Chi phí thanh lý tài sản	-	(109.367.813)
Phạt vi phạm hợp đồng và phạt hành chính	-	(67.097.134)
Chi phí khác	(751.975.257)	(321.314.017)
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	<u>3.222.189.442</u>	<u>1.377.681.073</u>

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí phát triển bất động sản để bán	758.193.157.829	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	194.832.385.795	160.917.703.643
Chi phí nhân công	155.402.279.106	130.891.001.632
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và bất động sản đầu tư	21.211.526.874	13.967.684.285
Chi phí khác	150.497.498.913	51.175.615.010
TỔNG CỘNG	<u>1.280.136.848.517</u>	<u>356.952.004.570</u>

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% trong kỳ này lợi nhuận chịu thuế (kỳ trước: 22%). Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuyết minh số 32.2)	16.319.667.197	35.906.319.453
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(471.092.249)	-
TỔNG CỘNG	<u>15.848.574.948</u>	<u>35.906.319.453</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.362.084.924.016	2.317.588.149.620
Các điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	(1.204.341.887.495)	(2.142.922.208.444)
Thu nhập từ cổ tức	(1.293.137.168.640)	(2.160.505.837.340)
Chi phí quảng cáo được khấu trừ	(4.074.703.555)	-
Chi phí từ thiện không được khấu trừ	85.976.327.067	12.441.475.877
Các chi phí không được khấu trừ khác	6.893.657.633	5.142.153.019
Lợi nhuận điều chỉnh chưa trừ chuyển lỗ và trước thuế	157.743.036.521	174.665.941.176
<i>Trong đó:</i>		
Lỗ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	(43.352.680.965)	-
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh thông thường và hoạt động khác	201.095.717.486	174.665.941.176
Lỗ kỳ trước chuyển sang	(76.144.700.538)	(11.455.398.206)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	81.598.335.983	163.210.542.970
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế suất 20% (hoạt động chuyển nhượng bất động sản)	-	-
Thu nhập chịu thuế suất 22% (hoạt động kinh doanh thông thường và hoạt động khác)	81.598.335.983	163.210.542.970
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	16.319.667.197	35.906.319.453
Thuế TNDN trả trước đầu kỳ	(2.923.154.643)	(3.284.386.992)
Thuế TNDN tạm tính cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng trong năm	12.070.078.068	-
Thuế TNDN tạm tính cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng được bù trừ trong kỳ	(8.343.343.232)	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(11.952.054.267)	-
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	5.171.193.123	32.621.932.461

Lãi tính thuế tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 được ước tính theo tờ khai thuế của Công ty và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan

▶ Giao dịch về mua tài sản và cung cấp dịch vụ quản lý:

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản, dịch vụ phải trả	Thanh toán mua tài sản, dịch vụ	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý, phí thương hiệu và bán điện nước đã thu	Đơn vị tính: VND
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(581.383.035.637)	489.668.440.315	467.139.860	(184.327.562)
Công ty Vincommerce	Công ty con	(103.877.394.532)	58.213.843.442	7.686.971.211	(527.828.346)
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	(21.844.196.293)	21.986.720.555	5.458.484.033	(32.540.693.823)
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	(183.822.415.768)	90.769.910.224	235.045.878	(236.178.028)
Công ty Quản lý Vinpearl	Công ty con	(4.871.050.000)	4.408.050.000	85.885.704.799	(7.584.747.506)
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	-	220.499.584.288	(65.624.988)
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(70.536.010)	-	49.442.409.833	(31.023.081.222)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Mua tài sản phải trả	Thanh toán phải trả mua tài sản	Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý	Đơn vị tính: VND
Công ty Vincom Center Bà Triệu	Công ty con	(15.471.960.691)	55.485.257.747	-	(103.135.671.708)
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	-	107.010.728.594	(198.264.522.611)
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	-	-	30.572.659.436	(19.002.611.347)
Công ty Vincom Center B HCM	Công ty con	-	-	8.320.696.422	(52.829.874.638)
Công ty Vinpearl	Công ty con	-	-	31.266.750.086	(13.173.431.078)
Công ty Vincom Retail	Công ty con	-	-	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	(154.739.969.146)	60.000.000.000	28.805.804.512	(31.686.384.963)
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	-	25.117.801.309	(5.090.685.639)
Công ty Vinpearland	Công ty con	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần:

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chuyển nhượng cổ phần	Nhận thanh toán tiền chuyển nhượng cổ phần	Nhận chuyển nhượng cổ phần	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	-	-	810.176.525.000	Thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	-	501.000.000.000	(810.176.525.000) (501.000.000.000)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Chuyển nhượng cổ phần	Nhận thanh toán chuyển nhượng cổ phần	Nhận chuyển nhượng cổ phần	Đơn vị tính: VND
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	(1.481.439.467.097)	-	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	-	(422.341.898.952)	-	(6.000.000.000)
Công ty Vinschool	Công ty con	-	(43.000.000.000)	-	-
Công ty Vincom Center Thủ Đức	Công ty con	907.887.877.800	(907.887.877.800)	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	2.772.737.400.000	(2.772.737.400.000)	-	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► **Giao dịch góp vốn, nhận cổ tức và hợp tác đầu tư:**

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn/Mua cổ phần	Cổ tức được chia	Cổ tức nhận được	Đơn vị tính: VND
Công ty Sài Đồng	Công ty con	-	-	(939.964.899.900)	Thu hồi tiền đặt cọc/Nhận đặt cọc
Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	Công ty con đến ngày 3 tháng 2 năm 2016	194.000.000.000	136.607.638.640	(136.607.638.640)	(77.535.805.847)
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	512.156.250.000	(255.000.000.000)	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	300.000.000.000	(300.000.000.000)	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	-	340.000.000.000	(340.000.000.000)	5.000.000.000.000
Công ty Vineco	Công ty con	906.890.000.000	-	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	78.000.000.000	-	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	1.254.223.150.000	-	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	-	-	-	87.500.000.000
Công ty Sách Việt Nam	Công ty con	475.165.611.800	-	-	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch góp vốn, nhận cổ tức và hợp tác đầu tư: (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn	Cổ tức được chia	Cổ tức nhận được	Đơn vị tính: VND
Công ty Thời Đại	Công ty con	-	200.000.000.000	(168.000.000.000)	
Công ty VinpearlLand	Công ty con	-	300.000.000.000	(300.000.000.000)	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	-	1.655.109.375.000	(2.040.656.250.000)	
Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	38.200.000.000	-	-	
Công ty VinPro	Công ty con	258.000.000.000	-	-	
Công ty VinDS	Công ty con	36.200.000.000	-	-	
Công ty VinEcom	Công ty con	208.200.000.000	-	-	
Công ty Vinfashion	Công ty con	56.000.000.000	-	-	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch vay và cho vay:

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Đơn vị tính: VND
					Thanh toán gốc vay
Công ty Vinpearland	Công ty con	220.000.000.000	(172.000.000.000)	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	788.000.000.000	(1.038.982.065.481)	-	-
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	326.000.000.000	(50.000.000.000)	-	-
Công ty Vincommerce	Công ty con	1.920.000.000.000	(2.143.281.916.666)	(4.715.000.000.000)	2.904.000.000.000
Công ty Vinpearl	Công ty con	194.744.825.963	(101.676.332.388)	-	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	369.518.038.507	(874.156.105.150)	(1.874.435.902.775)	2.033.834.802.775
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	200.000.000.000	(3.733.409.209.904)	-	-
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	160.000.000.000	(290.000.000.000)	-	-
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con		(177.000.000.000)	-	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	45.000.000.000	(79.000.000.000)	-	-
Công ty Vinschool	Công ty con	113.000.000.000	(113.000.000.000)	(77.000.000.000)	-
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con		(50.000.000.000)	-	-
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con		(138.700.000.000)	-	-
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	118.000.000.000	(118.000.000.000)	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	3.347.000.000.000	(4.997.998.900.000)	-	-
Công ty Vinpearl Bãi Dài	Công ty con	-	-	(50.000.000.000)	3.585.340.818.626
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	-	-	(1.232.000.000.000)	-
Công ty Vineco Tam Đảo	Công ty con	-	-	(90.000.000.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch vay và cho vay: (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinlinks	Công ty con	30.219.130.460	-	-	-
Công ty VinDS	Công ty con	99.000.000.000	-	-	315.800.000.000
Công ty Vinmec	Công ty con	1.539.601.666.666	-	-	1.870.000.000.000
Công ty Vineco	Công ty con	(107.000.000.000)	-	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	213.170.400.000	(1.404.941.666.667)	3.170.000.000.000	-
Công ty Ngôi Sao Phương Nam	Công ty con	-	-	-	599.000.000.000
Công ty Ngôi sao xanh	Công ty con	-	-	(130.000.000.000)	130.000.000.000
Công ty Quản lý Vinhomes	Công ty con đến ngày 3 tháng 2 năm 2016	-	-	(194.000.000.000)	699.000.000.000
Công ty Triển lãm Việt Nam	Công ty con	-	-	(900.000.000.000)	2.000.000.000
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	-	-	(1.083.000.000.000)	2.260.500.000.000
Công ty Ngọc Viên Đông	Công ty liên kết đến ngày 14 tháng 6 năm 2016	-	-	-	424.700.000.000
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	-	-	(1.660.000.000.000)	2.910.000.000.000
Công ty Quản lý Vinpearl	Công ty con	-	-	(345.000.000.000)	180.000.000.000
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	-	-	-	125.000.000.000
Công ty FPI	Công ty con	-	-	(140.000.000.000)	53.000.000.000
Công ty Mỹ Trì	Công ty con	-	-	(500.000.000.000)	6.000.000.000

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch vay và cho vay: (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Thanh toán gốc vay	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	378.200.000.000	(94.000.000.000)	-	-	-
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	357.000.000.000	(357.000.000.000)	(5.894.180.575.339)	2.515.034.166.667	-
Công ty BFF	Công ty con	127.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.656.700.000.000	(2.093.062.094.486)	-	-	-
Công ty Quản lý Bất động sản Vinhomes	Công ty con	-	-	(840.000.000.000)	600.000.000.000	-
Công ty Sài Đồng	Công ty con	914.815.414.310	(155.923.992.900)	(99.054.333.183)	124.151.191.120	-
Công ty Xavinco	Công ty con	-	-	-	1.112.435.000.000	-
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	6.000.000.000	(40.000.000.000)	-	-	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	2.316.291.715.472	(2.169.585.698.246)	-	-	-
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	490.872.367.027	(1.709.200.640.675)	(591.656.789.804)	204.000.000.000	-
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	-	-	-	129.865.861.848	-
Công ty Vinpearl	Công ty con	403.065.004.619	-	-	-	-
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	719.199.173.034	(780.000.000.000)	-	-	-
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	600.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Vinpearland	Công ty con	558.000.000.000	(200.000.000.000)	-	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	-	-	-	910.850.000.000	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	3.362.000.000.000	(1.600.000.000.000)	-	894.987.500.000	-
Công ty Vinmec	Công ty con	12.000.000.000	(600.000.000.000)	-	-	-
Công ty Khánh Gia	Công ty con	126.500.000.000	(138.700.000.000)	-	-	-

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch vay và cho vay: (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cho vay	Thu hồi gốc cho vay	Vay	Đơn vị tính: VND
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	976.350.000.000	(1.703.500.000.000)	-	-
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	-	-	-	-
Công ty VinFashion	Công ty con	10.000.000.000	(1.010.500.000.000)	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	20.800.000.000	(20.800.000.000)	-	-
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	38.000.000.000	-	-	-
Công ty VMIM Royal City	Công ty con	50.000.000.000	-	-	-
Công ty Anh Sao	Công ty con	75.100.000.000	-	-	-
Công ty Vinlinks	Công ty con	28.700.000.000	-	-	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	574.837.109.126	-	-	-
Công ty Thành phố Xanh	Công ty liên kết	500.000.000.000	(500.000.000.000)	-	-
Công ty Vincom Center Thủ Đức	Công ty con	138.700.000.000	-	-	-
				(700.000.000.000)	1.236.000.000.000

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch thu và trả lãi vay

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay phải trả	Lãi vay đã trả	Lãi vay đã thu	Đơn vị tính: VND
Công ty Vincom Retail	Công ty con	519.020.160.448	(224.104.779.243)	172.715.400.000	(979.312.475.782)	
Công ty Vinmec	Công ty con	35.793.656.111	(20.827.916.667)	32.398.333.334	-	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	36.943.649.534	-	-	-	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	31.039.138.898	(43.300.372.262)	57.312.398.656	-	
Công ty Vinpearl	Công ty con	31.714.861.112	-	-	(32.195.592.231)	
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	3.934.372.358	(72.646.654.676)	48.675.488.749	(131.444.444)	
Công ty Vincommerce	Công ty con	84.559.200.750	-	-	-	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	105.799.361.111	(6.754.287.856)	6.754.287.856	(109.123.500.003)	
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con					

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi vay phải thu	Lãi vay phải trả	Lãi vay đã thu	Lãi vay đã trả	Đơn vị tính: VND
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	281.190.611.641	-	-	-	93.728.738.932
Công ty Xavince	Công ty con	-	(31.090.553.474)	(73.415.689.441)	-	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	10.415.739.484	-	(49.162.890.874)	-	-
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	92.998.718.417	-	-	-	90.000.472.069
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	14.228.267.519	(11.750.944.689)	-	-	62.100.634.546
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	38.329.364.915	-	-	-	32.733.592.140
Công ty Vinpearliland	Công ty con	27.297.861.111	-	-	-	-
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	-	(21.854.719.421)	-	-	-
Công ty Vincom Retail	Công ty con	444.100.088.154	(213.396.954.702)	(196.842.100.000)	-	65.273.000.000
Công ty Vinmec	Công ty con	26.429.000.000	-	-	-	38.626.666.667
Công ty VMM Royal City	Công ty con	105.484.361.111	-	-	-	104.577.777.755
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	37.260.562.501	-	-	-	36.148.888.889
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	-	(40.988.499.999)	-	-	-
Công ty Vinfashion	Công ty con	17.282.222.222	-	-	-	26.642.680.556

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. **NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)
- 33.1 **Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan** (tiếp theo)
- ▶ **Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung**

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung	Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con	Đơn vị tính: VND
Công ty VinpearlLand	Công ty con	(69.505.328.441)	67.309.413.913	
Công ty Xavinto	Công ty con	(43.505.447.018)	57.438.962.370	
Công ty Vinmec	Công ty con	(327.251.108.110)	325.318.690.032	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	(599.458.034.267)	802.591.649.939	
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	(448.334.464.561)	463.420.680.019	
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	(228.049.008.849)	237.978.840.288	
Công ty Vincommerce	Công ty con	(5.695.751.002.479)	5.753.571.672.388	
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	(141.909.280.210)	170.718.131.695	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	(1.207.221.633.426)	1.216.032.719.720	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	(368.212.527.668)	311.954.053.559	
Công ty Vinschool	Công ty con	(356.809.703.908)	369.263.620.873	
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(1.656.714.056.978)	1.623.987.612.356	
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	(384.221.096.014)	478.544.354.947	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	(2.142.786.467.286)	2.079.443.026.739	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	(2.721.050.784.624)	2.697.127.557.869	
Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	Công ty con đến ngày 3 tháng 2 năm 2016	(194.639.328.015)	247.583.465.464	
Công ty Vinpearl	Công ty con	(766.711.407.027)	765.468.924.804	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(1.778.396.446.908)	1.744.198.656.734	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(269.057.806.943)	624.465.146.362	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► Giao dịch qua tài khoản quản lý tiền tập trung (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tiền chuyển từ công ty con vào tài khoản quản lý tiền tập trung	Tiền chuyển từ tài khoản quản lý tiền tập trung cho các công ty con	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	(1.334.543.313.646)	1.335.110.365.041	
Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	Công ty con	(260.708.954.382)	286.283.049.577	
Công ty Vinmec	Công ty con	(1.133.431.583.095)	1.200.235.056.534	
Công ty Vinschool	Công ty con	(150.394.745.633)	152.894.866.827	
Công ty Vinpearlland	Công ty con	(133.468.185.802)	126.421.418.208	
Công ty BFF	Công ty con	(55.434.054.083)	51.205.659.875	
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	(271.643.326.321)	361.730.162.086	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	(1.881.826.961.903)	1.843.115.863.937	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	(478.003.095.700)	608.423.407.357	
Công ty Vinpearl	Công ty con	(170.781.560.437)	166.359.420.814	
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	(126.117.542.952)	108.129.035.348	
Công ty VinGS	Công ty con	(24.607.041.038)	19.171.783.801	
Công ty VinEcom	Công ty con	(77.622.510.301)	69.986.894.951	
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	(990.870.483.938)	961.394.332.407	
Công ty Xavinco	Công ty con	(42.883.039.239)	13.535.607.431	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	(342.247.112.284)	329.685.482.144	
Công ty Cho thuê BĐS Vinhomes	Công ty con	(50.814.883.727)	48.888.975.300	
Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	(208.160.839.538)	206.114.763.095	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	(52.002.925.674)	45.606.390.526	
Công ty Siêu thị VinMart	Công ty con	(707.708.610.681)	700.674.551.409	
Công ty Xây dựng VinMart	Công ty con	(51.178.905.720)	51.178.905.720	
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	(284.403.114.197)	187.313.491.058	
Công ty Vinfashion	Công ty con	(88.459.086.306)	83.039.406.904	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.1 Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan (tiếp theo)

► *Giao dịch với quỹ Thiện Tâm*

<i>Giao dịch</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Nhận tiền hoàn lại từ Quỹ Thiện Tâm	428.500.000.000	-
Chi phí từ thiện chi hộ	-	85.779.363.777
Ứng trước tiền từ thiện cho Quỹ Thiện Tâm	534.000.000.000	363.659.007.976

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã cung cấp các khoản vay cho các bên liên quan với lãi suất từ 7%/năm đến 16,47%/năm và nhận các khoản vay từ các bên liên quan với lãi suất từ 6%/năm tới 13%/năm. Các khoản cho vay và vay này không có tài sản đảm bảo và được thanh toán bằng tiền hoặc cần trừ công nợ.

Trong năm, Công ty đã cung cấp dịch vụ quản lý cho các công ty con. Theo đó, Công ty đã ghi nhận doanh thu quản lý khi phân bổ lại các chi phí hoạt động phát sinh trên cơ sở quy mô và kết quả hoạt động của các công ty con. Ngoài ra, Công ty cũng phát sinh một số giao dịch thu hộ/chi hộ cho các công ty con.

Trong năm, Công ty cũng đã tính phí sử dụng thương hiệu Vinhomes cho các công ty con. Theo đó, Công ty sẽ tính phí dựa trên 1% doanh thu thuần thực tế từ hoạt động bất động sản của các công ty con sử dụng thương hiệu Vinhomes cho hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty không trích lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu từ các bên liên quan (ngày 31 tháng 12 năm 2015: mức dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện theo định kỳ thông qua việc xem xét khả năng tài chính và thị trường hoạt động của các bên liên quan.

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan

▶ Phải thu khách hàng (Thuyết minh số 6)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Phí quản lý phải thu	18.419.328.611	-	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Phí quản lý phải thu	5.413.913.728	12.053.250	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Phí quản lý phải thu	213.524.471.613	199.615.260.788	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Phí quản lý phải thu	(79.500.000)	38.300.000	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Phí quản lý phải thu	7.747.833.319	-	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Phí quản lý phải thu	1.598.666.199	34.944.719	
Công ty Quản lý Vinpearl	Công ty con	Phí quản lý phải thu	78.507.642.538	91.748.718	
Công ty Thời Đại	Công ty con	Doanh thu điện nước phải thu	1.016.039.001	1.407.459.445	
Công ty Vinmec	Công ty con	Phí quản lý phải thu	1.538.397.545	-	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Phí quản lý phải thu	-	18.533.934.497	
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Phí quản lý phải thu	220.433.959.300	-	
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Phí quản lý phải thu	33.197.922.125	32.158.153.923	
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	Phí quản lý phải thu	1.653.316.483	6.098.707.137	
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	Phí quản lý phải thu	-	6.488.951.220	
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Doanh thu điện nước phải thu	994.790.280	6.644.820.494	
Các công ty khác	Công ty con	Phí quản lý phải thu	2.783.459.882	2.849.885.523	
		Doanh thu cho thuê	2.472.784.211	328.455.910	
		Doanh thu điện nước phải thu	-	277.203.606	
			589.223.024.835	274.579.879.230	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đơn vị tính: VND
Công ty Vincommerce	Công ty con	Tạm ứng cho các dự án	13.240.703.862	-	
Quý Thiện Tâm	Tổ chức có cùng chủ sở hữu	Ứng trước chi phí từ thiện	110.072.120.833	-	
Công ty Quản lý Vinpearl	Công ty con	Trả trước cho người bán	-	624.000.000	
Công ty Vincom Retail miền Nam	Công ty con	Trả trước cho người bán	-	30.542.650	
			123.312.824.695	654.542.650	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.2 Chỉ tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty BFF	Công ty con	Lãi vay phải thu	24.073.144.236	14.856.769.238
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Chi hộ phải thu	447.542.292	-
Công ty Vinmec	Công ty con	Lãi vay phải thu	103.278.367.415	18.719.166.665
		Lãi vay phải thu	36.160.479.575	366.823.464
		Chi hộ phải thu	1.538.397.545	164.241.199
		Phải thu chi phí truyền thông	1.431.270.500	-
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Lãi vay phải thu	38.110.316.204	1.166.666.670
		Cổ tức phải thu	257.156.250.000	-
		Lãi vay phải thu	11.146.307	17.435.947.221
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu	5.549.789.129	4.643.054.509
		Đặt cọc mua cổ phần	-	77.535.805.847
		Cổ tức phải thu	-	939.964.899.900
		Phải thu từ chuyển đổi khoản cho vay	33.298.377.777	-
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	Lãi vay phải thu	5.942.612.866	3.988.998.211
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Lãi vay phải thu	31.680.069.885	9.232.222.222
Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải thu	93.205.009.970	527.743.312.661
		Phải thu chi phí truyền thông	168.803.800	1.276.770.100
		Các khoản chi hộ phải thu	60.570.592	5.295.364.464
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu	1.466.826.893	5.553.537
		Phải thu chi phí truyền thông	447.319.400	1.371.856.200
		Lãi vay phải thu	5.806.666.666	3.983.055.556

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 10) (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	Lãi vay phải thu	56.419.988.889	36.214.338.889
Công ty Vinpearl	Công ty con	Lãi vay phải thu	14.154.674.183	15.311.127.516
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Lãi vay phải thu	-	-
Công ty Vinpearliland	Công ty con	Chi hộ phải thu	(37.989.000)	44.889.000
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	Lãi vay phải thu	121.117.771.475	91.835.609.052
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	Các khoản chi hộ phải thu	-	672.169.248
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Lãi vay phải thu	37.117.888.889	5.534.472.221
Công ty M.Y.M	Công ty liên kết	Chi hộ phải thu	-	12.786.938
Công ty Vincommerce	Công ty con	Lãi vay phải thu	57.831.916.668	45.149.861.112
		Các khoản chi hộ phải thu	591.804.882	21.296.032.415
		Lãi vay phải thu	-	1.443.461.791
		Lãi vay phải thu	4.027.481.254	100.527.776
		Chi hộ phải thu	5.901.330	414.307.351
		Phải thu tích điểm	42.575.246.000	-
		Phải thu chi phí truyền thông	1.108.697.500	-
Công ty Thời Đại	Công ty con	Lãi vay phải thu	68.161.057.557	42.522.699.432
Công ty Hòn Một	Công ty con	Lãi vay phải thu	3.926.805.553	1.946.388.887
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	Lãi vay phải thu	27.155.555.555	30.479.694.447
		Các khoản chi hộ phải thu	1.295.897.409	1.765.441.837
Các công ty khác	Công ty con	Lãi vay phải thu	3.932.721.516	1.721.550.051
		Phải thu chi phí truyền thông	1.187.502.800	4.601.625.029
		Phải thu khác	4.457.745.061	168.553.583
		Các khoản chi hộ phải thu	5.160.787	2.197.454.748
			1.084.868.789.360	1.931.183.498.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 19.1)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đơn vị tính: VND
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	156.977.180.791	65.262.585.469	
Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	93.063.097.797	10.592.253	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	800.860.830	998.472.002	
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	2.493.262.905	318.300.000	
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	1.198.624.947	-	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	-	241.429.523	
Công ty Vinpearl Phú quốc	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	442.010.114	5.930.271.827	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	14.771.056.803	5.042.118.305	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	63.307.272.895	1.609.511.063	
Các công ty con khác	Công ty con	Chi phí mua hàng hóa, dịch vụ phải trả	2.629.517.204	4.918.645.370	
			335.682.884.286	84.331.925.812	

▶ Người mua trả trước ngắn hạn (Thuyết minh số 19.2)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đơn vị tính: VND
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Trả trước phí dịch vụ quản lý	28.645.931.270	-	
Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Trả trước phí dịch vụ quản lý	893.974.052	-	
Công ty Thời Đại	Công ty con	Trả trước phí dịch vụ quản lý	468.161.774	-	
Công ty Vinpearland	Công ty con	Trả trước phí dịch vụ quản lý	4.504.825.590	-	
Công ty Vinschool	Công ty con	Trả trước phí dịch vụ quản lý	383.493.393	-	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Trả trước phí dịch vụ quản lý	2.013.286.264	2.013.286.264	
			36.909.672.343	2.013.286.264	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)						
33.2	Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)		Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đơn vị tính: VND
	▶ <i>Chi phí phải trả ngắn hạn</i> (Thuyết minh số 21)	Mối quan hệ				
	Bên liên quan					
	Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Lãi vay phải trả	6.951.777.780	20.963.804.174	
	Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	11.721.773	
	Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Lãi vay phải trả	26.341.722.638	-	
	Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Lãi vay phải trả	1.005.458.044	-	
	Công ty Hồng Ngân	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	82.738.541.665	
	Công ty Mê Trì	Công ty con	Lãi vay phải trả	18.609.888.888	23.333.333	
	Công ty Vincom Retail	Công ty con	Lãi vay phải trả	202.072.524.907	124.929.133.021	
	Công ty Vinmec	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	11.570.416.667	
	Công ty Ngôi sao Phương Nam	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	8.386.000.000	
	Công ty Triển Lãm Việt Nam	Công ty con	Lãi vay phải trả	67.523.190.592	24.141.284.942	
	Công ty Vincommerce	Công ty con	Lãi vay phải trả	23.971.165.927	-	
	Công ty Sài Đồng	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	13.184.173.703	
	Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	-	5.025.300.000	
	Công ty VinDS	Công ty con	Lãi vay phải trả	-	1.473.733.333	
	Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	Lãi vay phải trả	11.756.907.333	23.244.634.101	
	Công ty Vinaconex-Viettel	Công ty con đến ngày 12 tháng 5 năm 2016	Lãi vay phải trả	5.724.666.667	-	
	Công ty Xalivico	Công ty con	Lãi vay phải trả	12.452.222.222	4.135.833.333	
	Công ty FPI	Công ty con	Lãi vay phải trả	22.814.999.999	1.753.055.556	
	Công ty Hoa Mai	Công ty con	Lãi vay phải trả	6.808.501.386	927.585.555	
	Các công ty con khác	Công ty con	Lãi vay phải trả	4.630.305.554	27.271.805.554	
				410.663.331.937	349.780.356.710	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.2 Chi tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)

▶ Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đơn vị tính: VND
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	91.091.935.809	446.499.275.228	
Công ty Vinschool	Công ty con	Thu hộ phải trả	-	478.712.640	
Công ty Bảo vệ Vincom	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	11.092.640.164	23.546.557.129	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	3.168.964.158	31.977.815.643	
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	1.398.546.245	156.064.022	
Công ty Sài Đồng	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	66.478.667.757	3.135.227.210	
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	56.793.160.132	19.638.655.538	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Thu hộ phải trả	734.982.018	-	
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	9.932.957.178	213.066.572.850	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Thu hộ phải trả	-	585.875.437	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	87.730.408.512	96.541.494.806	
Công ty Xây dựng Vincom 1	Công ty con	Thu hộ phải trả	-	216.946.937	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	33.943.213.551	1.216.768.929	
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	Phải trả tiền tạm ứng theo Hợp đồng tổng thầu xây dựng	-	412.000.000.000	
Công ty Vinpearl	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	4.006.195.338	1.810.280.810	
Công ty Vinmec	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	9.417.729.640	7.485.311.562	
Công ty BFF	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	117.519.398	8.762.366.636	
Công ty Vincommerce	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	76.071.164.544	96.064.307.710	
Công ty Xavinco	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	100.674.186	14.034.189.538	

Tập đoàn Vingroup - Công ty CP

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)						
33.2	Chỉ tiết các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan (tiếp theo)					
	Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22) (tiếp theo)					
	Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Đơn vị tính: VND
	Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	Tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác đầu tư một dự án bất động sản tiềm năng	810.514.542.712	-	
	Công ty Vincom Retail	Công ty con	Thu hộ phải trả	2.640.030	500.942.851	
			Tiền quản lý tập trung phải trả	-	6.754.348.053	
	Công ty Vinhomes 2	Công ty con	Tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác đầu tư một dự án bất động sản tiềm năng	-	810.514.542.712	
			Thu hộ phải trả	-	367.313.879	
	Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	78.774.045.708	22.515.571.599	
			Tiền quản lý tập trung phải trả	-	-	
	Công ty Xây dựng Vincom 3	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	8.452.460.115	52.744.877.556	
	Công ty Xây dựng Vincom 2	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	-	3.435.844.268	
	Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	63.996.224.951	99.339.874.780	
	Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	23.923.226.755	79.082.440.409	
			Nhận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần	5.000.000.000.000	1.733.000.000.000	
	Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	Tiền đặt cọc theo hợp đồng hợp tác đầu tư một dự án bất động sản tiềm năng	87.500.000.000	-	
	Công ty VinAcademy	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	5.542.207.532	-	
	Các công ty con khác	Công ty con	Tiền quản lý tập trung phải trả	2.734.497.125	65.935.519.233	
			Thu chi hộ phải trả	30.760.383.179	902.538.096	
			Phải trả khác	-	1.130.559.564	
				6.564.278.986.737	4.253.440.795.625	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay

► Phải thu ngắn hạn về cho vay (Thuyết minh số 8)

Chi tiết các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	749.017.934.519	10,50%	Từ ngày 25 tháng 3 đến ngày 29 tháng 6 năm 2017
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	55.204.181.818	7,00%	Ngày 2 tháng 12 năm 2016
Công ty Vinpearlland	Công ty con	845.000.000.000	7,00%	Từ ngày 27 tháng 11 năm 2016 đến ngày 23 tháng 5 năm 2017
Công ty BFF	Công ty con	259.000.000.000	7,00%	Từ ngày 13 tháng 8 năm 2016 đến ngày 29 tháng 3 năm 2017
Công ty Vinpearl	Công ty con	869.956.901.460	7,00%	Từ ngày 11 tháng 8 năm 2016 đến ngày 24 tháng 6 năm 2017
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	245.000.000.000	7,00%	Ngày 1 tháng 9 năm 2016
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	398.800.000.000	7,00%	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Công ty VinDS	Công ty con	99.000.000.000	7,00%	Từ ngày 11 tháng 11 đến 29 tháng 12 năm 2016
Công ty Thời Đại	Công ty con	467.837.109.126	11,00%	Từ 29 tháng 11 đến 24 tháng 12 năm 2016
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	344.000.000.000	7,00%	Từ 9 tháng 11 đến 14 tháng 12 năm 2016
Công Ty Vinlinks	Công ty con	75.578.267.057	6,50% - 9,00%	Từ ngày 4 tháng 7 đến 24 tháng 12 năm 2016
Công ty Sài Đồng	Công ty con	28.661.933.357	7,00%	Ngày 29 tháng 9 năm 2016
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	183.001.100.000	7,00%	Từ ngày 6 tháng 11 đến 24 tháng 12 năm 2016
Công ty Hòn Một	Công ty con	21.000.000.000	10,00%	Ngày 24 tháng 4 năm 2017
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	994.000.000.000	7,00%	Từ ngày 2 tháng 8 đến 29 tháng 12 năm 2016
Công ty Vinmec	Công ty con	1.539.601.666.666	7,00%	Từ ngày 4 tháng 9 đến 29 tháng 12 năm 2016
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	206.590.790.096	7,00%	Từ ngày 3 tháng 9 đến 11 tháng 12 năm 2016
		7.381.249.884.099		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

Chi tiết các khoản cho vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Công ty Nam Hà Nội	Công ty con	3.740.000.000.000	7,00%	Ngày 11 tháng 6 năm 2016
Công ty Hoàng Gia	Công ty con	1.000.000.000.000	11,00%	Ngày 28 tháng 12 năm 2016
Công ty BĐS Thăng Long	Công ty liên kết	55.204.181.818	7,00%	Ngày 12 tháng 2 năm 2016
Công ty Tân Liên Phát	Công ty con	1.834.000.000.000	7,00%	Ngày 8 tháng 6 năm 2016
Công ty Vinhomes 1	Công ty con	474.000.000.000	10,00%	Từ ngày 14 tháng 3 đến ngày 14 tháng 12 năm 2016
Công ty Thời Đại	Công ty con	501.837.109.126	11,00%	Ngày 29 tháng 5 năm 2016
Công ty Vinpearlland	Công ty con	797.000.000.000	12,00%	Từ ngày 1 tháng 2 đến 22 tháng 12 năm 2016
Công ty BFF	Công ty con	251.500.000.000	7,00%	Từ ngày 24 tháng 6 đến ngày 10 tháng 12 năm 2016
Công ty Vincommerce	Công ty con	223.281.916.666	7,00%	Từ ngày 29 tháng 6 đến 30 tháng 11 năm 2016
Công ty Vinlinks	Công ty con	45.359.136.597	7,00% - 9,00%	Từ ngày 7 tháng 1 đến ngày 10 tháng 9 năm 2016
Công ty Vinpearl	Công ty con	776.888.407.885	7,00%	Ngày 27 tháng 8 năm 2016
Công ty Vinpearl Đà Nẵng	Công ty con	422.000.000.000	7,00%	Từ ngày 1 tháng 3 năm 2016 đến 14 tháng 9 năm 2016
Công ty Vinpearl Hạ Long	Công ty con	398.800.000.000	11,00%	Ngày 30 tháng 9 năm 2016
Công ty Vincom Retail Miền Nam	Công ty con	138.700.000.000	7,00%	Ngày 17 tháng 12 năm 2016
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	50.000.000.000	7,00%	Ngày 23 tháng 4 năm 2016
Công ty Du lịch Phú Quốc	Công ty con	718.000.000.000	7,00%	Từ ngày 10 tháng 3 đến 23 tháng 11 năm 2016
		11.426.570.752.092		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.3 Chi tiết các khoản cho các bên liên quan vay (tiếp theo)

► **Phải thu dài hạn về cho vay** (Thuyết minh số 8)

Chi tiết các khoản cho vay dài hạn không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Công ty Vincom Retail	Công ty con	7.716.770.400.000	16,47%	Ngày 6 tháng 5 năm 2018
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	1.600.000.000.000	13,00%	Ngày 14 tháng 2 năm 2019
Công ty Hòn Một	Công ty con	19.500.000.000	10,00%	Từ ngày 25 tháng 8 năm 2017 đến ngày 10 tháng 8 năm 2018
		9.336.270.400.000		

Chi tiết các khoản cho vay dài hạn không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>
Công ty Vincom Retail	Công ty con	8.908.541.666.667	16,47%	Ngày 6 tháng 5 năm 2018
Công ty Vincom Retail Miền Bắc	Công ty con	1.600.000.000.000	13,00%	Ngày 14 tháng 2 năm 2019
Công ty Sài Đồng	Công ty con	533.300.000.000	11,00%	Ngày 16 tháng 9 năm 2019
Công ty Hòn Một	Công ty con	39.000.000.000	10,00%	Ngày 24 tháng 4 năm 2017
		11.080.841.666.667		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan

► Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 23.1)

Chi tiết các khoản đi vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	193.000.000.000	7,00%	Từ ngày 7 tháng 4 đến ngày 5 tháng 6 năm 2017
Công ty Vincom Retail	Công ty con	3.170.000.000.000	7,00%	Ngày 28 tháng 8 năm 2016
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	1.495.979.064.343	7,00%	Từ 29 tháng 4 đến 1 tháng 12 năm 2017
Công ty Xalivico	Công ty con	235.000.000.000	7,00%	Từ ngày 2 đến ngày 4 tháng 12 năm 2016
Công ty Vincommerce	Công ty con	1.811.000.000.000	7,00%	Ngày 6 tháng 11 năm 2016
Công ty FPI	Công ty con	361.000.000.000	10,00%	Từ ngày 23 tháng 11 năm 2016 đến ngày 6 tháng 6 năm 2017
Công ty Triển lãm Việt Nam	Công ty con	1.567.436.450.000	6,00%	Từ ngày 29 tháng 11 đến ngày 4 tháng 12 năm 2016
Công ty Hoa Mai	Công ty con	149.155.000.000	7,00%	Ngày 4 tháng 12 năm 2016
Công ty Xây Dựng Vincom 1	Công ty con	54.837.083.332	7,00%	Ngày 29 tháng 10 năm 2016
Công ty Mỹ Tri	Công ty con	614.000.000.000	7,00%	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 đến ngày 3 tháng 2 năm 2017
Công ty Vineco Tam Đảo	Công ty con	90.000.000.000	7,00%	Ngày 20 tháng 5 năm 2017
Công ty Quản lý Vinpearl	Công ty con	165.000.000.000	7,00%	Từ ngày 25 tháng 5 đến 23 tháng 6 năm 2017
Công ty Vinschool	Công ty con	77.000.000.000	7,00%	Từ ngày 2 đến ngày 17 tháng 6 năm 2017
Công ty Bãi Dài	Công ty con	50.000.000.000	7,00%	Ngày 17 tháng 6 năm 2017
		10.033.407.597.675		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan (tiếp theo)

► Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 23.1)

Chi tiết các khoản đi vay không có tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn
Công ty Quản lý BĐS Vinhomes	Công ty con	505.000.000.000	7,00%	Từ ngày 1 tháng 6 đến 21 tháng 10 năm 2016
Công ty Hồng Ngân	Công ty con	1.177.500.000.000	7,00%	Từ ngày 3 tháng 6 đến ngày 28 tháng 9 năm 2016
Công ty Vinpearl Nha Trang	Công ty con	2.546.340.818.625	7,00%	Từ ngày 8 tháng 7 đến ngày 3 tháng 11 năm 2016
Công ty Sài Đồng	Công ty con	159.398.900.000	7,00%	Ngày 22 tháng 10 năm 2016
Công ty Vinpearl Phú Quốc	Công ty con	2.745.979.064.343	7,00%	Từ ngày 30 tháng 4 đến ngày 1 tháng 7 năm 2016
Công ty Xalivico	Công ty con	235.000.000.000	7,00%	Từ ngày 14 tháng 9 đến ngày 2 tháng 2 năm 2016
Công ty Ngôi Sao Phương Nam	Công ty con	599.000.000.000	7,00%	Ngày 21 tháng 4 năm 2016
Công ty Ngọc Viễn Đông	Công ty liên kết	424.700.000.000	7,00%	Ngày 5 tháng 5 năm 2016
Công ty FPI	Công ty con	274.000.000.000	10,00%	Từ ngày 23 tháng 5 đến ngày 18 tháng 6 năm 2016
Công ty Triển lãm Việt Nam	Công ty con	669.436.450.000	6,00%	Từ ngày 29 tháng 5 đến ngày 4 tháng 6 năm 2016
Công ty Vinmart+	Công ty con	1.685.000.000.000	7,00%	Ngày 11 tháng 12 năm 2016
Công ty Hoa Mai	Công ty con	169.655.000.000	7,00%	Ngày 4 tháng 12 năm 2016
Công ty Vinpro	Công ty con	480.000.000.000	7,00%	Ngày 2 tháng 12 năm 2016
Công ty VinDS	Công ty con	315.800.000.000	7,00%	Ngày 7 tháng 6 năm 2016
Công ty Vinmec	Công ty con	1.870.000.000.000	7,00%	Ngày 11 tháng 6 năm 2016
Công ty Xây Dựng 'incom 2	Công ty con	125.000.000.000	7,00%	Ngày 11 tháng 1 năm 2016
Công ty Mỹ Tri	Công ty con	120.000.000.000	7,00%	Ngày 30 tháng 6 năm 2016
		<u>14.101.810.232.968</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

33.4 Chi tiết các khoản đi vay từ các bên liên quan (tiếp theo)

► Vay dài hạn (Thuyết minh số 23.2)

Chi tiết các khoản đi vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2016:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn Ngày 12 tháng 1 năm 2019	Tài sản đảm bảo
Công ty Vincom Retail	Công ty con	2.528.961.752.775	13,00%		Không
		<u>2.528.961.752.775</u>			

Chi tiết các khoản đi vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 31 tháng 12 năm 2015 VND	Lãi suất %/năm	Ngày đáo hạn Ngày 12 tháng 1 năm 2019	Tài sản đảm bảo
Công ty Vincom Retail	Công ty con	2.510.492.366.939	13,00%		Không
		<u>2.510.492.366.939</u>			

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thưởng	<u>10.139.277.569</u>	<u>10.273.375.360</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.139.277.569</u>	<u>10.273.375.360</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư

STT	Bên nhận đầu tư	Vốn góp của bên nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
			Số tiền	%	Số tiền	Số tiền
			VND	VND	VND	VND
1	Công ty Tây Tăng Long	300.000.000.000	30.000.000.000	10,00	635.000.000	29.365.000.000
2	Công ty Bảo vệ Vincom	50.000.000.000	50.000.000.000	100,00	2.000.000.000	48.000.000.000
3	Công ty Xây dựng Vincom 3	400.000.000.000	376.000.000.000	94,00	267.910.000.000	108.090.000.000
4	Công ty Vinhomes 2	100.000.000.000	94.000.000.000	94,00	5.640.000.000	88.360.000.000
5	Công ty Xây dựng Vincom 7	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	17.000.000.000	30.000.000.000
6	Công ty VinAcademy	50.000.000.000	47.000.000.000	94,00	28.500.000.000	18.500.000.000
		950.000.000.000	644.000.000.000		321.685.000.000	322.315.000.000

Cam kết thuê hoạt động

Công ty, là bên đi thuê, đã ký kết một số hợp đồng thuê hoạt động, chủ yếu là thuê tài sản và thuê quyền sử dụng đất, với số tiền thuê tối thiểu theo các thỏa thuận này vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	5.587.752.369	13.448.210.280
Trên 1 – 5 năm	52.582.597.560	53.792.841.120
Trên 5 năm	535.146.799.043	238.574.918.147
TỔNG CỘNG	593.317.148.972	305.815.969.547

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng, quầy hàng và không gian đa chức năng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Đến 1 năm	21.774.534.537	10.365.485.474
Trên 1 – 5 năm	59.764.975.638	34.299.302.246
Trên 5 năm	23.301.787.134	24.587.855.040
TỔNG CỘNG	104.841.297.309	69.252.642.760

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết liên quan đến các hoạt động đầu tư xây dựng

Công ty đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc triển khai các dự án bất động sản của Công ty. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 ước tính là 4.213 tỷ VND.

Theo hợp đồng xây dựng – chuyển giao ký ngày 23 tháng 6 năm 2016, UBND Thành phố Hà Nội đã phê duyệt tổng vốn đầu tư của dự án xây dựng tuyến đường bộ trên cao dọc đường Vành đai 2, đoạn từ cầu Vĩnh Tuy đến Ngã Tư Sở theo hình thức hợp đồng BT. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giá trị đầu tư ước tính của dự án còn phải thực hiện là 5.639 tỷ VND.

Các cam kết khác

Cam kết nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty con hiện hữu từ một cá nhân

Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 28 tháng 9 năm 2015 giữa Công ty và một đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 26.379.686 cổ phần, tương đương với 31,72% cổ phần của một công ty con hiện hữu. Giá trị của hợp đồng chuyển nhượng này là 852,7 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, giao dịch chưa được hoàn tất và Công ty chưa thanh toán khoản giá phí chuyển nhượng này.

Cam kết theo hợp đồng mua bán cổ phần của Công ty Triển lãm Việt Nam

Theo hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược ký giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty cam kết huy động 100% vốn để thực hiện dự án Trung tâm Hội chợ Triển lãm Quốc Gia theo đúng quy hoạch đã phê duyệt. Chậm nhất 3 năm kể từ khi Công ty Triển lãm Việt Nam nhận được mặt bằng, giai đoạn 1 của Khu Hội chợ Triển lãm Quốc Gia phải được hoàn thành trừ trường hợp chậm trễ phát sinh do nguyên nhân khách quan.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng Dự án Vũ Yên

Theo Công văn số 3070/UBND-ĐC2 về việc ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khu vực đảo Vũ Yên tại quận Hải An và huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng để phát triển Dự án Khu vui chơi giải trí, nhà ở, công viên sinh thái, Công ty cam kết bồi thường và hỗ trợ giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án tổng số tiền là 351,8 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, khoản cam kết còn lại phải trả là 71,5 tỷ VND.

Cam kết bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thuộc dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside Hải Phòng

Theo các quyết định số 2294/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015, quyết định số 2414/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2015 và quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND quận Hồng Bàng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng Khu Đô thị Xi măng Hải Phòng tại phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Công ty có nghĩa vụ bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án đầu tư xây dựng với tổng số tiền là 911,1 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, số tiền đền bù còn lại phải trả là 161 tỷ VND.

Cam kết liên quan đến hợp đồng mua bán cổ phần nhà đầu tư chiến lược với một doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong lĩnh vực văn hóa

Theo hợp đồng mua bán Cổ phần Nhà đầu tư chiến lược ký ngày 17 tháng 3 năm 2016, Công ty và các cổ đông chiến lược khác cam kết huy động 100% vốn đầu tư để thực hiện Dự án bất động sản của doanh nghiệp này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết khác (tiếp theo)

Cam kết nhận chuyển nhượng thêm cổ phần của một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty

Theo các hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty và các đối tác cá nhân, Công ty cam kết nhận chuyển nhượng 245.258.502 cổ phần, tương đương với 82% cổ phần của một công ty hiện đang là một khoản đầu tư tài chính dài hạn của Tập đoàn. Tổng giá trị của các hợp đồng chuyển nhượng này là 6.287 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty đã chuyển số tiền đặt cọc cho các cá nhân này là 6.000 tỷ VND.

Cam kết bảo lãnh phát hành trái phiếu cho Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang, một công ty con

Theo Cam kết bảo lãnh ký ngày 12 tháng 10 năm 2015 giữa Công ty Vinpearl Nha Trang, Công ty và ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Công ty cam kết bảo lãnh không hủy ngang với mức bảo lãnh tối đa là 1.200 tỷ VND cho khoản trái phiếu có tổng mệnh giá 2.300 tỷ VND, đáo hạn vào năm 2018 được phát hành bởi Công ty Vinpearl Nha Trang.

35. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Mã số	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Số đầu năm (Đã được trình bày trước đây)	Số đầu năm Trình bày lại (Được trình bày lại)
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	(1) 288.691.127.787	93.448.998.244 382.140.126.031
136	Phải thu ngắn hạn khác	(1) 3.769.416.074.671	(93.448.998.244) 3.675.967.076.427

(1) Phân loại khoản phải thu từ chuyển nhượng khoản đầu tư từ phải thu ngắn hạn khác sang phải thu ngắn hạn của khách hàng (93.448.998.244 VND).

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngoài các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đã được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tập đoàn còn có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán sau:

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng tín dụng hợp vốn trị giá 300 triệu USD với các bên thu xếp tín dụng nước ngoài sẽ đáo hạn vào năm 2021, chịu lãi suất biên 5%/năm và lãi suất cho vay liên ngân hàng Luân Đôn (LIBOR), và được bảo lãnh bởi một nhóm các công ty con. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2016, Công ty đã nhận giải ngân 240 triệu USD từ các bên thu xếp tín dụng.

Vào ngày 7 tháng 7 năm 2016, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 20% cổ phần Công ty M.Y.M cho một đối tác cá nhân, qua đó, giảm tỷ lệ nắm giữ của Công ty trong công ty liên kết này xuống 19%. Công ty M.Y.M từ công ty liên kết trở thành một khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty.

Vào ngày 16 tháng 8 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua Nghị quyết số 02/2016/NQ-ĐHĐCĐ-VINGROUP về kế hoạch chi trả cổ phiếu thưởng từ nguồn thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1.000:225 (mỗi cổ đông sở hữu 1.000 cổ phiếu được nhận thêm 225 cổ phiếu thưởng). Theo đó, số lượng cổ phiếu Công ty dự kiến phát hành thêm là 484.477.828 cổ phiếu và sẽ được thực hiện trong Quý IV năm 2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN (tiếp theo)

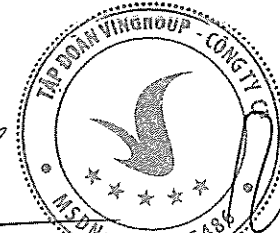
Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Ngô Thị Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng



Dương Thị Mai Hoa
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠNG NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Vincom Retail	Công ty Vincom Retail	100,00	99,03	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
2	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Nam	Công ty Vincom Retail Miền Nam	100,00	99,03	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
3	Công ty TNHH Vincom Retail Miền Bắc	Công ty Vincom Retail Miền Bắc	100,00	99,03	Số 72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
4	Công ty TNHH Riverview Complex Đà Nẵng	Công ty Riverview Đà Nẵng	100,00	99,03	Đường Ngô Quyền, phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Suối Hoa	Công ty Suối Hoa	88,00	87,14	Km1 + 200, đường Trần Hưng Đạo, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
6	Công ty TNHH trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	Công ty Trung tâm Văn hóa thể thao giải trí Hà Nội	100,00	99,03	Số 2, Phạm Ngọc Thạch, phường Trung Tự, quận Đống Đa, TP Hà Nội	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
7	Công ty cổ phần đầu tư An Phong	Công ty An Phong	100,00	99,03	3 Đường 3/2, phường 11, quận 10, TP Hồ Chí Minh	Cho thuê mặt bằng bán lẻ
8	Công ty TNHH NEWCOSC	Công ty NEWCOSC	100,00	99,03	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản
9	Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư và Phát triển Thời Đại	Công ty Thời Đại	100,00	100,00	72 Lê Thánh Tôn và 45A Lý Tự Trọng, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
10	Công ty TNHH Kinh doanh Bất động sản Vinhomes 1	Công ty Vinhomes 1	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Kinh doanh bất động sản
11	Công ty TNHH Kinh doanh Bất Động Sản Vinhomes 2	Công ty Vinhomes 2	100,00	99,93	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
12	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Thành phố Hoàng Gia	Công ty Hoàng Gia	97,85	97,85	Số 72A, Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	Công ty Nam Hà Nội	98,90	98,90	Số 458 phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
14	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đô thị Sài Đồng	Công ty Sài Đồng	94,00	94,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
15	Công ty Cổ phần Bất động sản Xavinco	Công ty Xavinco	96,44	96,42	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
16	Công ty TNHH Hợp tác Kinh doanh và Phát triển ISADO	Công ty ISADO	70,00	65,80	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside ⁽¹⁾	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tân Liên Phát	Công ty Tân Liên Phát	80,00	79,68	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
18	Công ty TNHH Xalivico	Công ty Xalivico	74,00	71,35	233 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
19	Công ty Cổ phần Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam	Công ty Triển lãm Việt Nam	83,32	83,32	148 đường Giảng Võ, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
20	Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh và phát triển đô thị Ngôi Sao Phương Nam	Công ty Ngôi Sao Phương Nam	95,00	94,99	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
21	Công ty TNHH kinh doanh thương mại dịch vụ Hoa Mai	Công ty Hoa Mai	74,00	74,00	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
22	Công ty cổ phần Phát triển thể thao và giải trí Mễ Trì	Công ty Mễ Trì	67,17	67,17	Số 7 Đại Lộ Thăng Long, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
23	Công ty TNHH Metropolis Hà Nội	Công ty Metropolis Hà Nội	100,00	97,85	Lô đất HH, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
24	Công ty Cổ phần sách Việt Nam	Công ty Sách Việt Nam	65,33	65,33	Số 44 phố Tráng Tiên, phường Tráng Tiên, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	Kinh doanh sách và văn hóa phẩm, văn phòng cho thuê
25	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Thành phố Hoàng Gia	Công ty TNHH Hoàng Gia	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Kinh doanh bất động sản
26	Công ty cổ phần Đồng Phú Hưng - Bình Thuận	Công ty Đồng Phú Hưng – Bình Thuận	99,00	97,70	Quốc lộ 55, thôn Thảng Hải, xã Thảng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
27	Công ty Cổ phần Vinpearl	Công ty Vinpearl	100,00	90,46	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
28	Công ty TNHH Quản lý Vinpearl	Công ty Quản lý Vinpearl	100,00	90,46	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý, môi giới, đấu giá bất động sản, quảng bá tour du lịch, dịch vụ lưu trú ngắn ngày
29	Công ty TNHH Vinpearl Nha Trang	Công ty Vinpearl Nha Trang	100,00	90,46	Đảo Hòn Tre, Phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
30	Công ty TNHH MTV Vinpearl Đà Nẵng	Công ty Vinpearl Đà Nẵng	100,00	90,46	Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
31	Công ty TNHH MTV Vinpearl Hội An	Công ty Vinpearl Hội An	100,00	90,46	Khối Phước Hải, phường Cửa Đại, TP Hội An, tỉnh Quảng Nam	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
32	Công ty Cổ phần Vinpearl Quy Nhơn	Công ty Vinpearl Quy Nhơn	98,00	88,66	Khu Du lịch Vinpearl Quy Nhơn, khu Kinh tế Nhơn Hội, thôn Hải Giang, xã Nhơn Hải, Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Cung cấp dịch vụ du lịch sinh thái và các loại hình du lịch khác

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
33	Công ty TNHH Future Property Invest	Công ty FPI	100,00	90,46	Đường Trường Sa, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
34	Công ty TNHH Bất động sản Tây Tăng Long	Công ty Tây Tăng Long	59,00	54,33	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản
35	Công ty TNHH Khách sạn và Du lịch Tây Hồ View	Công ty Tây Hồ View	70,00	63,33	58 đường Tây Hồ, phường Quảng An, quận Tây Hồ, TP Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
36	Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Công ty Vinpearl Bãi Dài	90,00	81,42	17A Bạch Đằng, phường Phước Tiến, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
37	Công ty TNHH Đầu tư Cam Ranh	Công ty Cam Ranh	90,00	81,42	16 Mạc Đĩnh Chi, phường Phước Tiến, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
38	Công ty Cổ phần Du lịch Hòn Một	Công ty Hòn Một	83,63	75,66	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
39	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hòn Tre	Công ty Hòn Tre	90,00	81,42	Số 42/2 Đồng Nai, phường Phước Hải, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
40	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	Công ty Du lịch Phú Quốc	55,00	49,76	Khu Bãi Dài, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày
41	Công ty TNHH MTV Vinpearl Phú Quốc	Công ty Vinpearl Phú Quốc	100,00	49,76	Khu Bãi Dài, xã Gành Dầu, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn
42	Công ty TNHH Vinpearl Hạ Long	Công ty Vinpearl Hạ Long	100,00	90,46	Đảo Rều, phường Bãi Cháy, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
43	Công ty TNHH Vinpearlland	Công ty Vinpearlland	100,00	100,00	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Cung cấp dịch vụ công viên vui chơi và công viên theo chủ đề
44	Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Thương mại BFF	Công ty BFF	86,96	86,94	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
45	Công ty Cổ phần Dịch Vụ Thương Mại Tổng Hợp Vincommerce	Công ty Vincommerce	55,11	48,81	Số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP Hồ Chí Minh	Bán lẻ trong các cửa hàng chuyên doanh
46	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	Công ty VinDS	70,00	69,23	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Bán lẻ tại các trung tâm thương mại hoặc cửa hàng tiện ích
47	Công ty Cổ phần Vinlinks	Công ty Vinlinks	79,96	79,96	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan
48	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 1	Công ty Xây dựng Vincom 1	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng
49	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 3	Công ty Xây dựng Vincom 3	100,00	99,93	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
50	Công ty TNHH Quản lý Xây dựng Vincom 7	Công ty Xây dựng Vincom 7	100,00	99,93	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng
51	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	Công ty Vinmec	100,00	98,90	Số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
52	Công ty TNHH MTV Vinschool	Công ty Vinschool	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật
						Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
						Cung cấp dịch vụ giáo dục

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016 (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
53	Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo VinAcademy	Công ty VinAcademy	100,00	99,93	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Cung cấp dịch vụ giáo dục
54	Công ty TNHH Dịch vụ Bảo vệ Vincom	Công ty Bảo vệ Vincom	100,00	100,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
55	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VinEco	Công ty VinEco	70,00	70,00	Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside (1)	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
56	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp VinEco-Tam Đảo	Công ty VinEco Tam Đảo	89,02	62,32	Thôn Cơ Quan, TT Gia Khánh, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
57	Công ty TNHH Nông nghiệp Đồng Nai – VinEco	Công ty VinEco Đồng Nai	77,50	54,25	Km13, Quốc Lộ 51, ấp Long Khánh 3, xã Tam Phước, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp
58	Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành	Công ty Tập đoàn Kỹ nghệ gỗ Trường Thành	49,90	39,76	Đường ĐT747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
59	Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành	Công ty Chế biến gỗ Trường Thành	100,00	39,76	KP 7, Phường Tân Uyên, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
60	Công ty CP Ván công nghiệp Trường Thành	Công ty Ván công nghiệp Trường Thành	100,00	39,76	Đường ĐT747, khu phố 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
61	Công ty CP Trường Thành Xanh	Công ty Trường Thành Xanh	99,99	39,76	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, TP Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
62	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	Công ty Lâm nghiệp Trường Thành	99,97	39,75	Số A69 khu dân cư Hiệp Phúc, đường Ngô Gia Tự, phường Tân Lợi, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016 (tiếp theo)

TT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
63	Công ty TNHH Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Công ty Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	97,50	38,77	Đào Trinh Nhất, Khu Phố 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
64	Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đắk Nông	Công ty Trường Thành Đắk Nông	94,75	37,67	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
65	Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành	Công ty chế biến gỗ Trường Thành	70,00	27,83	Thôn 05, xã Ea Rai, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
66	Công ty CP Trường Thành	Công ty Trường Thành	70,00	27,83	Km 86, Quốc Lộ 14, xã Ea Rai, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
67	Công ty CP Trồng rừng Trường Thành	Công ty Trồng rừng Trường Thành	79,89	31,76	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, TP Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
68	Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	Công ty Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông	99,44	39,54	Quốc lộ 14, tổ dân phố 4, phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
69	Công ty CP Chế biến gỗ Trường Thành M'DRĂK	Công ty gỗ Trường Thành M'DRĂK	90,25	35,88	Huyện M'Drăk, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
70	Công ty CP Nông – Lâm – Công Nghiệp Trường An	Công ty Nông – Lâm - Công Nghiệp Trường An	85,37	33,93	Xã Hòa Tiến, huyện Krong Păk, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
71	Công ty CP Công nghiệp gỗ Trường Thành	Công ty công nghiệp gỗ Trường Thành	68,52	27,24	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ

Tập đoàn Vingroup – Công ty CP

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH CÔNG TY CON TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2016 (tiếp theo)

TT	Tên công ty	Tên viết tắt	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
72	Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	Công ty Trường Thành - Phước An	51,55	14,35	107 Lê Duẩn, khối 4, TT Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
73	Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	Công ty Cụm Công nghiệp Trường Thành	40,00	97,30	Thôn 5, xã Ea Rai, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ liên quan đến gỗ
74	Công ty Cổ phần Hợp Nhất Thương Mại (2)	Công ty Hợp Nhất Thương Mại	99,80	79,80	Tầng 5, toà nhà 3D, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội	Cung cấp dịch vụ vận tải và các dịch vụ khác liên quan

(1) Tên địa chỉ đầy đủ: Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, TP Hà Nội

(2) Công ty đang làm thủ tục giải thể